Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 15.04.2026 16:15:46 +07:00

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /ATMT-ATĐ	*Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2026*

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC VÀ AN TOÀN TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp (Cục ATMT) đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo Thông tư quy định chi tiết về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng Thông tư quy định chi tiết về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

- Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ phân cấp, phân quyền đối với lĩnh vực an toàn điện tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/5/2025 của Chính phủ quy định việc phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Khắc phục vướng mắc các quy định của pháp luật về hoạt động kiểm định giữa Luật số 78/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa *(Luật số 78/2025/QH15)* và Luật Điện lực năm 2024

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

- Mục đích:

Đánh giá thủ tục hành chính (TTHC) nhằm rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các quy định không cần thiết, không hợp lý để giảm chi phí tuân thủ cho cá nhân, doanh nghiệp. Việc này góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và đảm bảo tính hợp pháp, đồng bộ của hệ thống văn bản pháp luật.

- Yêu cầu:

+ Rà soát, đảm bảo nội dung đánh giá chi tiết theo quy định pháp luật

+ Dựa trên các tiêu chí rõ ràng (sự cần thiết, tính hợp pháp, hợp lý, hiệu quả) và công bố kết quả minh bạch.

+ Thực hiện đúng tiến độ, kế hoạch đề ra, kết quả phải thiết thực, có khả năng áp dụng cao.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính (nếu trong dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính)

Không

2. Việc phân quyền, phân cấp (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về phân quyền, phân cấp)

Không

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)

Không

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về bình đẳng giới)

Không

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về chính sách dân tộc)

Không

III. PHỤ LỤC (nếu có)

Không

Trên đây là Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong Thông tư quy định chi tiết về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTr Trương Thanh Hoài (để b/c);
- PCT Trịnh Văn Thuận;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, ATĐ (Vanll).

CỤC TRƯỞNG

Phạm Tuấn Anh

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC VÀ AN TOÀN TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp (Cục ATMT) đã tổ chức lấy ý kiến, tham vấn/phản biện xã hội đối với dự thảo Thông tư quy định chi tiết về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến, tham vấn/góp ý, phản biện xã hội và tổng số ý kiến nhận được.

1.1. Ngày /4/2026, Bộ Công Thương đã có Văn bản số /BCT-ATMT gửi đến **60** cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp lấy ý kiến đối với Hồ sơ dự thảo Thông tư, cụ thể:

11 Bộ và cơ quan ngang Bộ, gồm: Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ; Các Bộ: Ngoại giao; Tài chính; Tư Pháp; Quốc phòng; Công an; NN&MT; Y tế; Khoa học và Công nghệ; Xây dựng.

02 Ủy ban, gồm: Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;

34 Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố;

03 Viện, gồm: Kiểm sát Nhân dân Tối cao; Hàn lâm, Khoa học Xã hội Việt Nam; Hàn lâm, Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

03 Tập đoàn, gồm: Điện lực Việt Nam; Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Dầu khí Việt Nam.

11 Tổng công ty: Truyền tải điện quốc gia; Điện lực miền Bắc; Điện lực miền Trung; Điện lực miền Nam; Điện lực TP. Hà Nội; Điện lực TP. Hồ Chí Minh; Phát điện 1; Phát điện 2; Phát điện 3; Điện lực Dầu khí; Điện lực TKV.

06 Cục/Vụ và đơn vị thuộc Bộ Công Thương, gồm: Văn phòng Bộ; Vụ Pháp chế; Cục: ĐCK, Điện lực; Viện Năng lượng và NSMO.

1.2. Đến ngày .....**tháng 4 năm 2026**, Bộ Công Thương nhận được **....** ý kiến góp ý, gồm:

11 Bộ và cơ quan ngang Bộ, gồm: Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ; Các Bộ: Ngoại giao; Tài chính; Tư Pháp; Quốc phòng; Công an; NN&MT; Y tế; Khoa học và Công nghệ; Xây dựng.

02 Ủy ban, gồm: Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;

34 Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố;

03 Viện, gồm: Kiểm sát Nhân dân Tối cao; Hàn lâm, Khoa học Xã hội Việt Nam; Hàn lâm, Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

03 Tập đoàn, gồm: Điện lực Việt Nam; Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Dầu khí Việt Nam.

11 Tổng công ty: Truyền tải điện quốc gia; Điện lực miền Bắc; Điện lực miền Trung; Điện lực miền Nam; Điện lực TP. Hà Nội; Điện lực TP. Hồ Chí Minh; Phát điện 1; Phát điện 2; Phát điện 3; Điện lực Dầu khí; Điện lực TKV.

06 Cục/Vụ và đơn vị thuộc Bộ Công Thương, gồm: Văn phòng Bộ; Vụ Pháp chế; Cục: ĐCK, Điện lực; Viện Năng lượng và NSMO.

BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
Đối với Dự thảo Thông tư quy định chi tiết về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực

TT	CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I	**Bộ/ngành**			
1		Bộ TC		
II	**Ủy ban nhân dân/ Sở Công Thương các tỉnh, thành phố**			
1		SCT Hà Nội		
III	**Tổ chức chính trị, xã hội**			
1				
IV	**Các đơn vị trong Bộ Công Thương**			
1		Vụ PC		
V	**Tập đoàn/Tổng Công ty**			
1		EVN		

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC VÀ AN TOÀN TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC VỚI THÔNG TƯ SỐ 02/2025/TT-BCT VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 62/2025/NĐ-CP

1. Đối với Dự thảo Thông tư quy định chi tiết về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực thay thế Thông tư số 02/2025/TT-BCT và một phần Nghị định 62/2025/NĐ-CP

I	Thông tư số 02/2025/TT-BCT	Thông tư quy định chi tiết về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực	Thuyết minh
1	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, bao gồm: Khoản 4 và khoản 5 Điều 69, khoản 4 Điều 70, điểm d khoản 1 Điều 71 của Luật Điện lực.	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng** 1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024, bao gồm: Khoản 5 Điều 67; khoản 10 Điều 68; khoản 4, 5 và 9 Điều 69; khoản 4 Điều 70; điểm d khoản 1 Điều 71; khoản 3 Điều 74 và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. 2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có các hoạt động khác liên quan đến điện	- Cụ thể hóa các quy định của Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại giao Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện. - Bãi bỏ các quy định liên quan đến
2	**Điều 2. Đối tượng áp dụng** Thông tư này áp dụng đối với: 1. Đơn vị điện lực, bao gồm: Đơn vị phát điện, đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện, đơn vi bán điện; 2. Tổ chức, cá nhân hoạt động thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, xây dựng, sửa chữa công trình điện lực và thiết bị, dụng cụ điện;		

	3. Tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị, dụng cụ điện thuộc danh mục thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định theo quy định của Bộ Công Thương; 4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng điện; 5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	lực tại Việt Nam	việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định máy móc, thiết bị, dụng cụ điện được quy định tại Chương III Thông tư số 02/2025/TT-BCT để phù hợp với Luật số 78/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật số 70/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật
3	**Điều 3. Giải thích từ ngữ** Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Chủ sở hữu công trình điện lực là tổ chức, cá nhân sở hữu công trình phát điện, trạm điện, truyền tải điện, phân phối điện. 2. Đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực là đơn	**Điều 2. Giải thích từ ngữ** Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Chủ sở hữu công trình điện lực là tổ chức, cá nhân sở hữu công trình phát điện, trạm điện, truyền tải điện, phân phối điện. 2. Đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực là đơn	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT và Nghị định 62/2025/NĐ-CP

	vị trực tiếp tham gia hoạt động điện lực được Chủ sở hữu công trình điện lực giao nhiệm vụ quản lý, vận hành công trình phát điện, trạm điện, truyền tải điện, phân phối điện. 3. Người vận hành, thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, xây lắp, sửa chữa đường dây tải điện hoặc thiết bị điện là người lao động của các đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, xây lắp điện, dịch vụ sửa chữa, sử dụng điện để sản xuất (có trạm điện riêng) trực tiếp thực hiện các công việc vận hành, thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, xây lắp, sửa chữa đường dây tải điện hoặc thiết bị điện. 4. Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp là dùng nguồn điện có điện áp thích hợp đấu nối trực tiếp vào kết cấu kim loại của hàng rào, vật cản, vật che chắn (sau đây gọi chung là hàng rào điện) để ngăn cản việc xâm phạm khu vực được bảo vệ. 5. Tổ chức kiểm định là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện được Bộ Công Thương chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và có chức năng đánh giá, công nhận các thiết bị, dụng cụ điện đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.	vị trực tiếp tham gia hoạt động điện lực được Chủ sở hữu công trình điện lực giao nhiệm vụ quản lý, vận hành công trình phát điện, trạm điện, truyền tải điện, phân phối điện. 3. Người vận hành, thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, xây lắp, sửa chữa đường dây tải điện hoặc thiết bị điện là người lao động của các đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, xây lắp điện, dịch vụ sửa chữa, sử dụng điện để sản xuất (có trạm điện riêng) trực tiếp thực hiện các công việc vận hành, thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, xây lắp, sửa chữa đường dây tải điện hoặc thiết bị điện. 4. Khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp là khoảng cách tối thiểu từ phần tử mang điện đến điểm gần nhất của thiết bị, dụng cụ, phương tiện, công trình, cây, vật thể bay. 5. Công trình lưới điện là tổ hợp các phương tiện, máy móc, thiết bị, kết cấu xây dựng phục vụ trực tiếp cho hoạt động truyền tải điện, phân phối điện, hệ thống bảo vệ công trình. 6. Công trình nguồn điện là tổ hợp các phương tiện, máy móc, thiết bị, kết cấu xây dựng phục vụ trực tiếp cho hoạt động phát điện, hệ thống bảo vệ công trình. 7. Điện áp cao là điện áp danh định trên 01 kV. 8. Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động; nếu là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.	

		9. Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp là dùng nguồn điện có điện áp thích hợp đấu nối trực tiếp vào kết cấu kim loại của hàng rào, vật cản, vật che chắn (sau đây gọi chung là hàng rào điện) để ngăn cản việc xâm phạm khu vực được bảo vệ. 10. Tổ chức kiểm định là tổ chức có chức năng đánh giá, công nhận các thiết bị, dụng cụ điện đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của pháp luật. 11. Đô thị là nơi tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp; là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ.	
4	**Điều 4. Điều kiện sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp** Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ được sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp khi sử dụng các biện pháp bảo vệ khác không hiệu quả và phải có đủ các điều kiện sau đây: 1. Được Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng (đối với đơn vị quân đội) cho phép theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng. 2. Việc thiết kế, xây dựng, lắp đặt hàng rào điện phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Điều 5 Thông tư này. 3. Chỉ được phép đưa hàng rào điện vào sử dụng khi chủ đầu tư đã hoàn thành công tác nghiệm thu theo quy định, đã bàn giao đầy đủ các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến xây dựng hệ thống hàng rào điện cho	**Điều 28. Điều kiện sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp** Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ được sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp khi sử dụng các biện pháp bảo vệ khác không hiệu quả và phải có đủ các điều kiện sau đây: 1. Được Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng (đối với đơn vị quân đội) cho phép theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng. 2. Việc thiết kế, xây dựng, lắp đặt hàng rào điện phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Điều 29 Thông tư này. 3. Chỉ được phép đưa hàng rào điện vào sử dụng khi chủ đầu tư đã hoàn thành công tác nghiệm thu theo quy định, đã bàn giao đầy đủ các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến xây dựng hệ thống hàng rào điện cho đơn vị	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT

	đơn vị quản lý vận hành và đơn vị quản lý vận hành đã bố trí đủ nhân sự theo quy định. 4. Trước khi đưa hàng rào điện vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy trình, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống hàng rào điện và quy trình an toàn điện.	quản lý vận hành và đơn vị quản lý vận hành đã bố trí đủ nhân sự theo quy định. 4. Trước khi đưa hàng rào điện vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy trình, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống hàng rào điện và quy trình an toàn điện.	
5	**Điều 5. Yêu cầu kỹ thuật của hệ thống hàng rào điện** 1. Hàng rào điện phải được thiết kế, lắp đặt an toàn, tránh được mọi tiếp xúc ngẫu nhiên đối với người và gia súc, không gây ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của hệ thống điện, không gây nguy hiểm cho khu vực lân cận và môi trường sống, bảo đảm vững chắc trong điều kiện mưa bão và đảm bảo mỹ quan. 2. Hàng rào điện có thể được bố trí kết hợp với hàng rào bảo vệ khác hoặc được bố trí độc lập nhưng phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Nếu hàng rào điện được bố trí kết hợp với hàng rào bảo vệ khác thì hàng rào điện phải được bố trí phía trên, độ cao treo vật dẫn điện không nhỏ hơn 2,5 m so với mặt đất; b) Nếu hàng rào điện được bố trí độc lập thì phía ngoài và phía trong của hàng rào điện phải có hàng rào bảo vệ để đề phòng người, động vật có thể tiếp xúc ngẫu nhiên với hàng rào điện. Khoảng cách giữa hàng rào điện với hàng rào bảo vệ không nhỏ hơn 2,0 m. 3. Dọc theo suốt hàng rào điện về cả 2 phía phải đặt	**Điều 29. Yêu cầu kỹ thuật của hệ thống hàng rào điện** 1. Hàng rào điện phải được thiết kế, lắp đặt an toàn, tránh được mọi tiếp xúc ngẫu nhiên đối với người và gia súc, không gây ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của hệ thống điện, không gây nguy hiểm cho khu vực lân cận và môi trường sống, bảo đảm vững chắc trong điều kiện mưa bão và đảm bảo mỹ quan. 2. Hàng rào điện có thể được bố trí kết hợp với hàng rào bảo vệ khác hoặc được bố trí độc lập nhưng phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Nếu hàng rào điện được bố trí kết hợp với hàng rào bảo vệ khác thì hàng rào điện phải được bố trí phía trên, độ cao treo vật dẫn điện không nhỏ hơn 2,5 m so với mặt đất; b) Nếu hàng rào điện được bố trí độc lập thì phía ngoài và phía trong của hàng rào điện phải có hàng rào bảo vệ để đề phòng người, động vật có thể tiếp xúc ngẫu nhiên với hàng rào điện. Khoảng cách giữa hàng rào điện với hàng rào bảo vệ không nhỏ hơn 2,0 m. 3. Dọc theo suốt hàng rào điện về cả 2 phía phải đặt biển báo ở nơi dễ nhận thấy "DỪNG LẠI! CÓ ĐIỆN	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT

	biển báo ở nơi dễ nhận thấy "DỪNG LẠI! CÓ ĐIỆN NGUY HIỂM CHẾT NGƯỜI" theo quy định về biển báo an toàn điện. Biển báo được gắn cố định ở độ cao 1,7 - 2,0 m so với mặt đất và khoảng cách giữa 2 biển báo không quá 20 m. 4. Điện áp sử dụng cho hàng rào điện được quy định như sau: a) Dưới 1.000 V khi dùng nguồn điện xoay chiều; b) Không quy định đối với điện áp xung khi dùng nguồn điện một chiều. 5. Tại khu vực làm việc của người trực phải có hệ thống báo động tín hiệu âm thanh và ánh sáng. Hệ thống báo động phải làm việc khi xảy ra mất điện trên hàng rào điện hoặc xuất hiện dòng điện chạm đất, dòng điện ngắn mạch. Tín hiệu báo động chỉ được giải trừ khi có thao tác của người trực. Việc kiểm tra sự hoạt động bình thương của hệ thống báo động được thực hiện mỗi khi giao ca bằng các nút thử. 6. Vật dẫn điện phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật sau: a) Vật liệu làm vật dẫn cho hàng rào điện có thể là tấm, lưới hoặc dây, thanh kim loại. Nếu sử dụng dây thép mạ hoặc lưới thép, tiết diện dây không nhỏ hơn 6 mm2. Trường hợp sử dụng dây đồng hoặc dây nhôm phải có tiết diện không nhỏ hơn 10 mm2. Dây dẫn đơn không được có mối nối ở giữa khoảng trụ. Trường hợp cần nối thì 2 đầu dây phải quấn cố định quanh cổ sứ cách điện, sau đó mới nối 2 đầu dây	NGUY HIỂM CHẾT NGƯỜI" theo quy định về biển báo an toàn điện. Biển báo được gắn cố định ở độ cao 1,7 - 2,0 m so với mặt đất và khoảng cách giữa 2 biển báo không quá 20 m. 4. Điện áp sử dụng cho hàng rào điện được quy định như sau: a) Dưới 1.000 V khi dùng nguồn điện xoay chiều; b) Không quy định đối với điện áp xung khi dùng nguồn điện một chiều. 5. Tại khu vực làm việc của người trực phải có hệ thống báo động tín hiệu âm thanh và ánh sáng. Hệ thống báo động phải làm việc khi xảy ra mất điện trên hàng rào điện hoặc xuất hiện dòng điện chạm đất, dòng điện ngắn mạch. Tín hiệu báo động chỉ được giải trừ khi có thao tác của người trực. Việc kiểm tra sự hoạt động bình thương của hệ thống báo động được thực hiện mỗi khi giao ca bằng các nút thử. 6. Vật dẫn điện phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật sau: a) Vật liệu làm vật dẫn cho hàng rào điện có thể là tấm, lưới hoặc dây, thanh kim loại. Nếu sử dụng dây thép mạ hoặc lưới thép, tiết diện dây không nhỏ hơn 6 mm2. Trường hợp sử dụng dây đồng hoặc dây nhôm phải có tiết diện không nhỏ hơn 10 mm2. Dây dẫn đơn không được có mối nối ở giữa khoảng trụ. Trường hợp cần nối thì 2 đầu dây phải quấn cố định quanh cổ sứ cách điện, sau đó mới nối 2 đầu dây bằng kẹp nối, tết xoắn hoặc bằng phương pháp hàn. b) Vật dẫn điện phải được gắn cố định, chắc chắn trên	

	bằng kẹp nối, tết xoắn hoặc bằng phương pháp hàn. b) Vật dẫn điện phải được gắn cố định, chắc chắn trên sứ cách điện. Khoảng cách giữa hai sứ đỡ một vật dẫn theo chiều dài không được quá 5 m. Khoảng cách giữa hai vật dẫn của hai pha liền kề hoặc giữa pha với đất không quá 0,20 m. c) Sứ cách điện thông thường không được đặt nghiêng quá 45 độ so với phương thẳng đứng. Trường hợp cần đặt sứ nghiêng quá 45 độ phải sử dụng loại sứ có cách điện tăng cường.	sứ cách điện. Khoảng cách giữa hai sứ đỡ một vật dẫn theo chiều dài không được quá 5 m. Khoảng cách giữa hai vật dẫn của hai pha liền kề hoặc giữa pha với đất không quá 0,20 m. c) Sứ cách điện thông thường không được đặt nghiêng quá 45 độ so với phương thẳng đứng. Trường hợp cần đặt sứ nghiêng quá 45 độ phải sử dụng loại sứ có cách điện tăng cường.	
6	**Điều 6.** Công trình phát điện phải thực hiện đánh giá an toàn kỹ thuật 1. Nhà máy nhiệt điện; 2. Dự án điện gió; 3. Dự án điện gió trên biển; 4. Dự án điện mặt trời (trừ dự án điện mặt trời mái nhà; dự án điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ).	**Bãi bỏ**	Đã được quy định tại Luật Điện lực năm 2024
7	**Điều 7. Chu kỳ thực hiện đánh giá an toàn kỹ thuật đối với công trình phát điện** 1. Đánh giá an toàn kỹ thuật lần đầu: a) Đối với các công trình phát điện đã đi vào hoạt động: Hoàn thành việc đánh giá lần đầu trong thời gian tối đa 03 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. b) Đối với các công trình phát điện chưa đi vào vận hành chính thức: Thực hiện việc đánh giá an toàn kỹ thuật lần đầu trong thời gian 05 năm kể từ ngày đưa công trình phát điện vào vận hành chính thức theo	**Điều 30. Chu kỳ thực hiện đánh giá an toàn kỹ thuật đối với công trình phát điện** 1. Đánh giá an toàn kỹ thuật lần đầu: a) Đối với các công trình phát điện đã đi vào hoạt động: Hoàn thành việc đánh giá lần đầu trước ngày 04 tháng 3 năm 2028 ~~trong thời gian tối đa 03 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực~~. b) Đối với các công trình phát điện chưa đi vào vận hành chính thức: Thực hiện việc đánh giá an toàn kỹ thuật lần đầu trong thời gian 05 năm kể từ ngày đưa công trình phát điện vào vận hành chính thức theo quy	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT

	quy định của pháp luật. 2. Đánh giá an toàn kỹ thuật lần tiếp theo, các công trình phát điện phải được đánh giá an toàn kỹ thuật theo định kỳ 05 năm/01 lần.	định của pháp luật. 2. Đánh giá an toàn kỹ thuật lần tiếp theo, các công trình phát điện phải được đánh giá an toàn kỹ thuật theo định kỳ 05 năm/01 lần.	
8	**Điều 8. Nội dung đánh giá an toàn kỹ thuật công trình phát điện** 1. Việc đánh giá an toàn kỹ thuật công trình phát điện được thực hiện thông qua việc kiểm tra, đánh giá trực tiếp của chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành công trình phát điện kết hợp với kết quả kiểm định của tổ chức kiểm định bao gồm các nội dung sau: a) Đánh giá mức độ an toàn của các thiết bị, dụng cụ điện thuộc danh mục phải kiểm định (theo kết quả kiểm định kỳ gần nhất và kiểm tra trực quan). b) Đánh giá mức độ an toàn của các thiết bị, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động (theo kết quả kiểm định kỳ gần nhất và kiểm tra trực quan, máy móc thiết bị kiểm tra khác nếu có). c) Đánh giá công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, an toàn công trình/hạng mục công trình trong quá trình khai thác, sử dụng. d) Đánh giá nguyên nhân các sự cố trong kỳ kiểm tra trên cơ sở theo hồ sơ bảo trì, xử lý, khắc phục sự cố trong kỳ báo cáo; hiện trạng công trình và nguyên nhân gây sự cố khác (nếu có). đ) Đánh giá rủi ro, nguy cơ mất an toàn, sự cố trong quá trình vận hành công trình phát điện và kế hoạch ứng phó các sự cố.	**Điều 31. Nội dung đánh giá an toàn kỹ thuật công trình phát điện** 1. Đối với các công trình phát điện từ cấp III đến cấp đặc biệt theo quy định pháp luật về cấp công trình xây dựng, ~~V~~việc đánh giá an toàn kỹ thuật công trình phát điện được thực hiện thông qua việc kiểm tra, đánh giá trực tiếp của chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành công trình phát điện kết hợp với kết quả kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định của tổ chức ~~kiểm định~~ có chức năng phù hợp, bao gồm các nội dung sau: a) Đánh giá mức độ an toàn của các thiết bị, dụng cụ điện thuộc danh mục phải kiểm định (theo kết quả kiểm định kỳ gần nhất và kiểm tra trực quan). b) Đánh giá mức độ an toàn của các thiết bị, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động (theo kết quả kiểm định kỳ gần nhất và kiểm tra trực quan, máy móc thiết bị kiểm tra khác nếu có). c) Đánh giá công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, an toàn công trình/hạng mục công trình trong quá trình khai thác, sử dụng. d) Đánh giá nguyên nhân các sự cố trong kỳ kiểm tra trên cơ sở theo hồ sơ bảo trì, xử lý, khắc phục sự cố trong kỳ báo cáo; hiện trạng công trình và nguyên nhân gây sự cố khác (nếu có).	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT

	2. Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá a) Nếu phát hiện các dấu hiệu bất thường, hư hỏng, khuyết tật tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn thì cần thực hiện gia cố, sửa chữa hoặc thay thế mới (nếu cần thiết) để bảo đảm an toàn trong quá trình vận hành khai thác, sử dụng. Trường hợp do điều kiện thực tế chưa thể thực hiện gia cố, sửa chữa, khắc phục được ngay thì cần có biện pháp cảnh báo hoặc kế hoạch, lộ trình xử lý phù hợp. b) Đối với yếu tố có nguy cơ gây mất an toàn nằm ngoài phạm vi công trình thì Chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành công trình phát điện thông báo ngay đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. c) Trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận báo cáo đánh giá an toàn kỹ thuật công trình phát điện tiến hành kiểm tra kết quả đánh giá an toàn kỹ thuật công trình phát điện theo quy định của pháp luật về điện lực và pháp luật khác có liên quan.	đ) Đánh giá rủi ro, nguy cơ mất an toàn, sự cố trong quá trình vận hành công trình phát điện và kế hoạch ứng phó các sự cố. 2. Đối với công trình phát điện khác với khoản 1 Điều này, việc đánh giá an toàn kỹ thuật công trình được thực hiện thông qua công tác kiểm tra trực quan trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị và các hạng mục công trình trong quá trình khai thác, sử dụng. 3. Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá a) Nếu phát hiện các dấu hiệu bất thường, hư hỏng, khuyết tật tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn thì cần thực hiện gia cố, sửa chữa hoặc thay thế mới (nếu cần thiết) để bảo đảm an toàn trong quá trình vận hành khai thác, sử dụng. Trường hợp do điều kiện thực tế chưa thể thực hiện gia cố, sửa chữa, khắc phục được ngay thì cần có biện pháp cảnh báo hoặc kế hoạch, lộ trình xử lý phù hợp. b) Đối với yếu tố có nguy cơ gây mất an toàn nằm ngoài phạm vi công trình thì Chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành công trình phát điện thông báo ngay đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. c) Trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận báo cáo đánh giá an toàn kỹ thuật công trình phát điện tiến hành kiểm tra kết quả đánh giá an toàn kỹ thuật công trình phát điện theo quy định của pháp luật về điện lực và pháp luật khác có liên quan.	

9	**Điều 9. Báo cáo kết quả đánh giá an toàn kỹ thuật công trình phát điện** 1. Trước ngày 15 tháng 12 theo kỳ báo cáo, Chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành công trình phát điện có trách nhiệm tổng hợp báo cáo đánh giá an toàn kỹ thuật theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan tiếp nhận báo cáo tại khoản 2 Điều này. 2. Cơ quan tiếp nhận báo cáo a) Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp là cơ quan tiếp nhận của Bộ Công Thương về báo cáo đánh giá an toàn kỹ thuật của các công trình phát điện từ Cấp I trở lên và công trình phát điện nằm trên địa bàn hành chính từ 2 tỉnh trở lên. b) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan tiếp nhận báo cáo đánh giá an toàn kỹ thuật của các công trình phát điện trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trừ quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. 3. Hình thức gửi báo cáo Chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành công trình phát điện gửi báo cáo đến cơ quan tiếp nhận báo cáo bằng các hình thứ	**Điều 32. Báo cáo kết quả đánh giá an toàn kỹ thuật công trình phát điện** 1. Trước ngày 15 tháng 12 theo chu kỳ ~~báo cáo~~ đánh giá, Chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành công trình phát điện có trách nhiệm tổng hợp báo cáo đánh giá an toàn kỹ thuật theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này gửi cơ quan tiếp nhận báo cáo tại khoản 2 Điều này. 2. Cơ quan tiếp nhận báo cáo a) Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp là cơ quan tiếp nhận của Bộ Công Thương về báo cáo đánh giá an toàn kỹ thuật của các công trình phát điện từ Cấp II trở lên và công trình phát điện nằm trên địa bàn hành chính từ 2 tỉnh trở lên. b) Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan tiếp nhận báo cáo đánh giá an toàn kỹ thuật của các công trình phát điện trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trừ quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. 3. Hình thức gửi báo cáo Chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành công trình phát điện gửi báo cáo đến cơ quan tiếp nhận báo cáo bằng các hình thứ	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT
10	**Điều 10. Nội dung kiểm tra an toàn trong phát điện, truyền tải điện, phân phối điện** 1. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực, bao gồm: a) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không.	**Điều 33. Nội dung kiểm tra an toàn trong phát điện, truyền tải điện, phân phối điện** 1. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực, bao gồm: a) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không.	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT

	b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm. c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn trạm điện. d) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió và công trình nguồn điện khác. 2. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn điện. 3. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện.	b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm. c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn trạm điện. d) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió và công trình nguồn điện khác. 2. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn điện. 3. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện.	
11	**Điều 11. Nội dung kiểm tra an toàn trong sử dụng điện** 1. Nội dung kiểm tra an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sản xuất: a) Kiểm tra mức độ phù hợp của hệ thống điện phục vụ sản xuất với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện, an toàn điện. b) Kiểm tra việc lắp đặt biển cấm, biển báo về an toàn điện theo quy định của pháp luật. c) Kiểm tra công tác huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện cho người lao động trực tiếp làm các công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện của đơn vị sản xuất. d) Kiểm tra việc quản lý và sử dụng thiết bị, dụng cụ điện thuộc danh mục phải kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị dụng cụ điện. đ) Kiểm tra tình hình chấp hành các quy định của pháp luật khác về an toàn điện	**Điều 34. Nội dung kiểm tra an toàn trong sử dụng điện** 1. Nội dung kiểm tra an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sản xuất: a) Kiểm tra mức độ phù hợp của hệ thống điện phục vụ sản xuất với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện, an toàn điện. b) Kiểm tra việc lắp đặt biển cấm, biển báo về an toàn điện theo quy định của pháp luật. c) Kiểm tra công tác huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện cho người lao động trực tiếp làm các công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện của đơn vị sản xuất. d) Kiểm tra việc quản lý và sử dụng thiết bị, dụng cụ điện thuộc danh mục phải kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị dụng cụ điện. đ) Kiểm tra tình hình chấp hành các quy định của pháp luật khác về an toàn điện	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT

	2. Nội dung kiểm tra an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ a) Kiểm tra hiện trạng hệ thống điện phục vụ sinh hoạt, dịch vụ so với thông tin tổ chức, cá nhân sử dụng điện đã đăng ký với đơn vị bán điện theo quy định của pháp luật. b) Kiểm tra công tác bảo đảm chất lượng của các thiết bị, dụng cụ điện lắp đặt trong hệ thống điện phục vụ sinh hoạt, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng điện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. c) Kiểm tra công tác bảo đảm an toàn và các biện pháp ngăn ngừa nguy cơ gây cháy lan sang đồ vật, trang thiết bị khác khi xảy ra sự cố chập, cháy hệ thống cung cấp điện trong nhà ở, công trình. đ) Kiểm tra tình hình chấp hành các quy định của pháp luật khác về an toàn điện.	2. Nội dung kiểm tra an toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ a) Kiểm tra hiện trạng hệ thống điện phục vụ sinh hoạt, dịch vụ so với thông tin tổ chức, cá nhân sử dụng điện đã đăng ký với đơn vị bán điện theo quy định của pháp luật. b) Kiểm tra công tác bảo đảm chất lượng của các thiết bị, dụng cụ điện lắp đặt trong hệ thống điện phục vụ sinh hoạt, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng điện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. c) Kiểm tra công tác bảo đảm an toàn và các biện pháp ngăn ngừa nguy cơ gây cháy lan sang đồ vật, trang thiết bị khác khi xảy ra sự cố chập, cháy hệ thống cung cấp điện trong nhà ở, công trình. đ) Kiểm tra tình hình chấp hành các quy định của pháp luật khác về an toàn điện.	
12	**Điều 12. Danh mục các thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định** 1. Các thiết bị điện sử dụng ở môi trường không có nguy hiểm về khí cháy, bụi nổ có cấp điện áp danh định trên 01 kV, bao gồm: a) Chống sét van. b) Máy biến áp. c) Máy cắt. d) Cáp điện. đ) Cầu dao cách ly, cầu dao tiếp địa. 2. Dụng cụ điện phải kiểm định: Sào cách điện.	**Điều 35. Danh mục các thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định** 1. Các thiết bị điện sử dụng ở môi trường không có nguy hiểm về khí cháy, bụi nổ có cấp điện áp danh định trên 01 kV, bao gồm: a) Chống sét van. b) Máy biến áp. c) Máy cắt. d) Cáp điện. đ) Cầu dao cách ly, cầu dao tiếp địa. 2. Dụng cụ điện phải kiểm định: Sào cách điện.	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT

13	**Điều 13. Nội dung kiểm định** Nội dung kiểm định được quy định trong các quy trình kiểm định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này tương ứng với từng loại thiết bị, dụng cụ điện.	**Điều 36. Nội dung kiểm định** Nội dung kiểm định được quy định trong các quy trình kiểm định tại Phụ lục VI đến Phụ lục XI, ban hành kèm theo Thông tư này tương ứng với từng loại thiết bị, dụng cụ điện.	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT
14	**Điều 14. Chu kỳ kiểm định** 1. Kiểm định lần đầu được thực hiện trước khi đưa vào sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện. 2. Kiểm định định kỳ được thực hiện trong quá trình sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện: a) Đối với các thiết bị điện trong dây chuyền đang vận hành không thể tách rời để kiểm định riêng lẻ, được kiểm định theo chu kỳ đại tu dây chuyền thiết bị. b) Đối với thiết bị điện trên hệ thống điện quốc gia được chủ đầu tư áp dụng phương pháp sửa chữa bảo dưỡng theo tình trạng thiết bị hoặc phương pháp sửa chữa bảo dưỡng hướng đến độ tin cậy theo tiêu chuẩn tương ứng, chủ đầu tư căn cứ kết quả phân tích, đánh giá tình trạng thiết bị để quyết định chu kỳ và hạng mục kiểm định, bảo đảm chu kỳ thực hiện không quá 72 (bảy mươi hai) tháng. c) Đối với các thiết bị, dụng cụ điện không thuộc điểm a, điểm b khoản này, được kiểm định định kỳ theo quy định của nhà sản xuất, nhưng không quá 36 (ba mươi sáu) tháng. 3. Kiểm định bất thường a) Thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	**Điều 37. Chu kỳ kiểm định** 1. Kiểm định lần đầu được thực hiện trước khi đưa vào sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện. 2. Kiểm định định kỳ được thực hiện trong quá trình sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện: a) Đối với các thiết bị điện trong dây chuyền đang vận hành không thể tách rời để kiểm định riêng lẻ, được kiểm định theo chu kỳ đại tu dây chuyền thiết bị. b) Đối với thiết bị điện trên hệ thống điện quốc gia được chủ đầu tư áp dụng phương pháp sửa chữa bảo dưỡng theo tình trạng thiết bị hoặc phương pháp sửa chữa bảo dưỡng hướng đến độ tin cậy theo tiêu chuẩn tương ứng, chủ đầu tư căn cứ kết quả phân tích, đánh giá tình trạng thiết bị để quyết định chu kỳ và hạng mục kiểm định, bảo đảm chu kỳ thực hiện không quá 72 (bảy mươi hai) tháng. c) Đối với các thiết bị, dụng cụ điện không thuộc điểm a, điểm b khoản này, được kiểm định định kỳ theo quy định của nhà sản xuất, nhưng không quá 36 (ba mươi sáu) tháng. 3. Kiểm định bất thường a) Thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. b) Khi đã khắc phục xong sự cố, sau đại tu, sửa chữa	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT

	b) Khi đã khắc phục xong sự cố, sau đại tu, sửa chữa hoặc theo nhu cầu của các tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện.	hoặc theo nhu cầu của các tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện.	
15	**Điều 15. Quy trình kiểm định** 1. Tổ chức kiểm định có trách nhiệm thực hiện các bước kiểm định theo quy trình đã ban hành. 2. Xử lý kết quả sau kiểm định a) Thiết bị, dụng cụ điện sau kiểm định đạt yêu cầu phải được dán tem kiểm định ở vị trí dễ quan sát và tránh được tác động không có lợi của môi trường và được cấp giấy chứng nhận kiểm định sử dụng bản giấy hoặc bản điện tử. b) Thiết bị, dụng cụ điện sau kiểm định không đạt yêu cầu thì không cấp giấy chứng nhận kiểm định mới và xóa tem kiểm định cũ (nếu có), chỉ cấp biên bản kiểm định trong đó nêu rõ lý do không đạt. c) Trường hợp thiết bị, dụng cụ điện ở vị trí không thể thực hiện việc dán tem theo điểm a khoản này thì khi kết thúc kiểm định được cấp Giấy chứng nhận kiểm định. 3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm định, tổ chức kiểm định có trách nhiệm cấp biên bản kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định cho tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện được kiểm định. Nội dung chính của giấy chứng nhận kiểm định theo Biểu mẫu II.7 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.	**Điều 38. Quy trình kiểm định** 1. Tổ chức kiểm định có trách nhiệm thực hiện các bước kiểm định theo quy trình đã ban hành. 2. Xử lý kết quả sau kiểm định a) Thiết bị, dụng cụ điện sau kiểm định đạt yêu cầu phải được dán tem kiểm định ở vị trí dễ quan sát và tránh được tác động không có lợi của môi trường và được cấp giấy chứng nhận kiểm định sử dụng bản giấy hoặc bản điện tử. Nội dung chính và mẫu tem kiểm định theo Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này. b) Thiết bị, dụng cụ điện sau kiểm định không đạt yêu cầu thì không cấp giấy chứng nhận kiểm định mới và xóa tem kiểm định cũ (nếu có), chỉ cấp biên bản kiểm định trong đó nêu rõ lý do không đạt. c) Trường hợp thiết bị, dụng cụ điện ở vị trí không thể thực hiện việc dán tem theo điểm a khoản này thì khi kết thúc kiểm định được cấp Giấy chứng nhận kiểm định. 3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm định, tổ chức kiểm định có trách nhiệm cấp biên bản kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định cho tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện được kiểm định. Nội dung chính của giấy chứng nhận kiểm định theo Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT

16	**Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện** 1. Lập danh sách thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định. 2. Lựa chọn tổ chức kiểm định thiết bị, dụng cụ điện đáp ứng quy định tại Điều 17 Thông tư này. 3. Có biện pháp bảo đảm an toàn cho kiểm định viên của tổ chức kiểm định khi thực hiện kiểm định và hệ thống thiết bị điện liên quan đang vận hành theo các quy định của Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn liên quan đến an toàn điện. 4. Duy trì và đảm bảo sự phù hợp của các thiết bị và dụng cụ điện trong quá trình sử dụng sau khi được kiểm định, theo các yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nước ngoài được áp dụng tại Việt Nam. 5. Lưu giữ hồ sơ kết quả kiểm định bản giấy hoặc bản điện tử. Thời gian lưu giữ tối thiểu 02 (hai) chu kỳ kiểm định liên tiếp.	**Điều 39. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện** 1. Lập danh sách thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định. 2. Lựa chọn tổ chức kiểm định thiết bị, dụng cụ điện đáp ứng quy định tại Điều 40 Thông tư này. 3. Có biện pháp bảo đảm an toàn cho kiểm định viên của tổ chức kiểm định khi thực hiện kiểm định và hệ thống thiết bị điện liên quan đang vận hành theo các quy định của Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn liên quan đến an toàn điện. 4. Duy trì và đảm bảo sự phù hợp của các thiết bị và dụng cụ điện trong quá trình sử dụng sau khi được kiểm định, theo các yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nước ngoài được áp dụng tại Việt Nam. 5. Lưu giữ hồ sơ kết quả kiểm định bản giấy hoặc bản điện tử. Thời gian lưu giữ tối thiểu 02 (hai) chu kỳ kiểm định liên tiếp.	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT
17	**Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định** 1. Tổ chức kiểm định phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 9 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp và được Bộ Công Thương cấp giấy đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị dụng cụ điện theo quy định. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11	**Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định** 1. Ban hành quy trình kiểm định trên cơ sở quy trình kiểm định quy định tại Điều 32 Thông tư này ~~và các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa~~. 2. Thực hiện việc kiểm định thiết bị, dụng cụ điện ~~trong phạm vi được chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định và~~ theo đúng quy trình kiểm định đã đăng ký, bảo đảm chất lượng và thời gian thực hiện. 3. Bảo đảm các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động	- Bãi bỏ các quy định liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định máy móc, thiết bị, dụng cụ điện được quy định tại Chương III Thông tư số

	và Điều 12 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ. 2. Ban hành quy trình kiểm định trên cơ sở quy trình kiểm định quy định tại Điều 15 Thông tư này và các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa gửi cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định để quản lý, kiểm tra, giám sát. 3. Thực hiện việc kiểm định thiết bị, dụng cụ điện trong phạm vi được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định và theo đúng quy trình kiểm định đã đăng ký, bảo đảm chất lượng và thời gian thực hiện. 4. Bảo đảm tính chính xác của hồ sơ đăng ký hoạt động kiểm định và duy trì đầy đủ năng lực kiểm định đáp ứng điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa. 5. Bảo đảm các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động kiểm định phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường và pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Chỉ được sử dụng máy móc, thiết bị của tổ chức, đơn vị khác để thực hiện kiểm định khi có hợp đồng thuê, mượn máy móc, thiết bị với tổ chức, đơn vị sở hữu thiết bị. 6. Chỉ được sử dụng kiểm định viên thuộc tổ chức kiểm định khác để thực hiện kiểm định khi đã có thỏa thuận hợp tác bằng văn bản với tổ chức kiểm định ký	kiểm định phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường và pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Chỉ được sử dụng máy móc, thiết bị của tổ chức, đơn vị khác để thực hiện kiểm định khi có hợp đồng thuê, mượn máy móc, thiết bị với tổ chức, đơn vị sở hữu thiết bị. 4. Chỉ được sử dụng kiểm định viên thuộc tổ chức kiểm định khác để thực hiện kiểm định khi đã có thỏa thuận hợp tác bằng văn bản với tổ chức kiểm định ký hợp đồng lao động với kiểm định viên. 5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm định của kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý và kiểm định viên thuộc tổ chức kiểm định có thỏa thuận hợp tác bằng văn bản để thực hiện kiểm định. 6. Tổ chức kiểm định thiết bị, dụng cụ điện có cấp điện áp dưới 110kV phải có ít nhất 02 kiểm định viên có trình độ từ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định, có kinh nghiệm tối thiểu 12 tháng trong lĩnh vực phù hợp; từ cấp điện áp 110 kV trở lên phải có ít nhất 04 kiểm định viên trình độ từ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định, có kinh nghiệm tối thiểu 24 tháng trong lĩnh vực phù hợp. 7. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ, cấp thẻ kiểm định viên thực hiện kiểm định thiết bị dụng cụ điện theo quy định của pháp luật. 8. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về kết quả hoạt động kiểm định hàng năm theo quy định của pháp	02/2025/TT-BCT để phù hợp với Luật số 78/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật số 70/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

	hợp đồng lao động với kiểm định viên. 7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm định của kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý và kiểm định viên thuộc tổ chức kiểm định có thỏa thuận hợp tác bằng văn bản để thực hiện kiểm định. 8. Tổ chức kiểm định thiết bị, dụng cụ điện có cấp điện áp từ 110 kV trở lên phải có ít nhất 04 kiểm định viên trình độ từ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định, có kinh nghiệm tối thiểu 24 tháng trong lĩnh vực kiểm định hoặc lĩnh vực chuyên môn có liên quan, đã hoàn thành khóa học huấn luyện, sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn với đối tượng kiểm định. 9. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ, cấp thẻ kiểm định viên thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị dụng cụ điện theo quy định của pháp luật. 10. Trước ngày 30 tháng 01 hằng năm, tổ chức kiểm định có trách nhiệm báo cáo định kỳ kết quả hoạt động kiểm định của năm trước về Bộ Công Thương hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 11. Báo cáo Bộ Công Thương về mọi thay đổi có ảnh hưởng đến năng lực hoạt động kiểm định đã đăng ký trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có sự thay đổi. 12. Thực hiện đầy đủ các quy định của Thông tư này, quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp và các quy định của pháp luật khác có	luật.	

	liên quan.		
18	**Điều 18. Trách nhiệm của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp** 1. Giao Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định của tổ chức kiểm định theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. Bộ trưởng Bộ Công Thương ủy quyền cho Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp ký thừa ủy quyền cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định của tổ chức kiểm định theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. 2. Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương danh sách các tổ chức kiểm định và thông tin về Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định.	Bãi bỏ	- Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương tại Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

	3. Có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định trong lĩnh vực kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện của các tổ chức kiểm định, các tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện. 4. Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện.		
19	**Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** Trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện của tổ chức kiểm định, các tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện trên địa bàn quản lý.	Bãi bỏ	- Phân cấp thực hiện TTHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương tại Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương.
16	**Điều 20. Hiệu lực thi hành** 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2025. 2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành: a) Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Bộ Công Thương ban hành Thông tư bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.	**Điều 41. Hiệu lực thi hành** 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …..tháng …. năm 2026. 2. Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 2 năm 2025 quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực hết hiệu lực, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành 3. Bãi bỏ Điều 9 Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương,	Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT

	b) Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện. c) Thông tư số 33/2015/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện. d) Quyết định số 07/2006/QĐ-BCN ngày 11 tháng 4 năm 2006 của Bộ Công nghiệp về việc quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và điều kiện sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp. 3. Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.	kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.	
16	**Điều 21. Quy định chuyển tiếp** 1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định được Bộ Công Thương cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện cho đến khi cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại. 2. Tổ chức nộp hồ sơ đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện và đang được Bộ Công Thương (thông qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp) tiếp nhận, thẩm định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm	**Điều 42. Quy định chuyển tiếp** Cơ quan có thẩm quyền dừng việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.	Khắc phục vướng mắc các quy định của pháp luật về hoạt động kiểm định giữa Luật số 78/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa *(Luật số 78/2025/QH15)* và

	quyền yêu cầu chỉnh sửa hoàn thiện, bổ sung hồ sơ đăng ký sau ngày hiệu lực của Thông tư này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.		Luật Điện lực năm 2024
16	**Điều 22. Tổ chức thực hiện** 1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này. 2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của pháp luật mới ban hành. 3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp) để kịp thời xem xét, giải quyết./.	**Điều 43. Tổ chức thực hiện** 1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này. 2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của pháp luật mới ban hành. 3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp) để kịp thời xem xét, giải quyết./.	- Kế thừa Thông tư số 02/2025/TT-BCT.
II	**Nghị định số 62/2025/NĐ-CP**	**Thông tư quy định chi tiết về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực**	**Thuyết minh**
1	**Điều 3. Quy định chung về bảo vệ công trình điện lực** 1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị điện lực khi phát hiện hành vi trộm cắp hoặc tháo gỡ dây néo, dây tiếp địa, trang thiết bị của lưới điện, trèo lên cột điện, vào trạm điện hoặc khu vực bảo vệ an toàn công trình điện khi không có nhiệm vụ. 2. Không sử dụng công trình điện lực vào những mục đích khác khi chưa được sự thỏa thuận của đơn vị	**Điều 3. Quy định chung về bảo vệ công trình điện lực** 1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị điện lực khi phát hiện hành vi trộm cắp hoặc tháo gỡ dây néo, dây tiếp địa, trang thiết bị của lưới điện, trèo lên cột điện, vào trạm điện hoặc khu vực bảo vệ an toàn công trình điện khi không có nhiệm vụ. 2. Không sử dụng công trình điện lực vào những mục đích khác khi chưa được sự thỏa thuận của đơn vị quản lý công trình điện lực.	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

	quản lý công trình điện lực. 3. Không lắp đặt ăng ten thu phát sóng, dây phơi, giàn giáo, nhà lồng, nhà lưới, biển, hộp đèn quảng cáo và các vật dụng khác tại các vị trí mà khi bị đổ, rơi, văng, rung lắc gây hư hỏng, sự cố công trình điện lực. 4. Tổ chức, cá nhân không đào đất, chất tải hoặc hoạt động gây sụt lún hoặc có nguy cơ gây sạt lở, lún sụt công trình lưới điện, trạm điện; không đốt nương rẫy, rác thải, vật liệu, sử dụng các phương tiện thi công gây chấn động hoặc có khả năng làm hư hỏng, sự cố công trình điện lực; không bắn, quăng, ném bất kỳ vật gì lên đường dây điện, trạm điện và các công trình điện lực khác. 5. Không thực hiện nổ mìn, mở mỏ; xếp, chứa các chất dễ cháy nổ, các chất hóa học có khả năng gây ăn mòn hoặc có khả năng làm cháy, gây hư hỏng các bộ phận của công trình điện lực. 6. Phương tiện bay được cấp phép phải bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình điện lực, không được phép bay vào phạm vi 500 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện cao áp, siêu cao áp trên không hoặc 100 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện trên không trung áp ra các phía xung quanh, trừ trường hợp phương tiện bay làm nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa đường dây điện được phép theo quy định.	3. Không lắp đặt ăng ten thu phát sóng, dây phơi, giàn giáo, nhà lồng, nhà lưới, biển, hộp đèn quảng cáo và các vật dụng khác tại các vị trí mà khi bị đổ, rơi, văng, bay, rung lắc gây hư hỏng, sự cố công trình điện lực. 4. Tổ chức, cá nhân không đào đất, chất thải hoặc hoạt động gây sụt lún hoặc có nguy cơ gây sạt lở, lún sụt công trình lưới điện, trạm điện; không đốt nương rẫy, rác thải, vật liệu, sử dụng các phương tiện thi công gây chấn động hoặc có khả năng làm hư hỏng, sự cố công trình điện lực; không bắn, quăng, ném bất kỳ vật gì lên đường dây điện, trạm điện và các công trình điện lực khác. 5. Không thực hiện nổ mìn, mở mỏ; xếp, chứa các chất dễ cháy nổ, các chất hóa học có khả năng gây ăn mòn hoặc có khả năng làm cháy, gây hư hỏng các bộ phận của công trình điện lực. 6. Phương tiện bay được cấp phép phải bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình điện lực, không được phép bay vào phạm vi 500 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện cao áp, siêu cao áp trên không hoặc 100 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện trên không trung áp ra các phía xung quanh, trừ trường hợp phương tiện bay làm nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa đường dây điện được phép theo quy định.	

<table>
<tr>
<td>2</td>
<td>
Điều 4. Bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao
1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình lưới điện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn đối với công trình lưới điện thuộc phạm vi quản lý bao gồm khu vực thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện.
2. Chủ sở hữu hoặc người sử dụng nhà ở, công trình đã được phép tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không phải có biện pháp chằng néo, gia cố mái của nhà ở, công trình phòng tránh nguy cơ bay vào đường dây dẫn điện trên không; tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không khi sửa chữa, cải tạo nhà ở, công trình; không được sử dụng mái hoặc bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình vào những mục đích có thể vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td rowspan="2">Điện áp</td><td colspan="2">Trên 01 kV đến 22 kV</td><td colspan="2">35 kV</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td></tr>
<tr><td>Dây bọc</td><td>Dây trần</td><td>Dây bọc</td><td>Dây trần</td><td>Dây trần</td><td>Dây trần</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách an toàn phóng điện</td><td>1,0 m</td><td>2,0 m</td><td>1,5 m</td><td>3,0 m</td><td>4,0 m</td><td>6,0 m</td></tr>
</table>
3. Trước khi xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn
</td>
<td>
Điều 4. Bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao
1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình lưới điện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn đối với công trình lưới điện thuộc phạm vi quản lý bao gồm khu vực thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện.
2. Chủ sở hữu hoặc người sử dụng nhà ở, công trình đã được phép tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không phải có biện pháp chằng néo, gia cố mái của nhà ở, công trình phòng tránh nguy cơ bay vào đường dây dẫn điện trên không; tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không khi sửa chữa, cải tạo nhà ở, công trình; không được sử dụng mái hoặc bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình vào những mục đích có thể vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td rowspan="2">Điện áp</td><td colspan="2">Trên 01 kV đến 22 kV</td><td colspan="2">35 kV</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td></tr>
<tr><td>Dây bọc</td><td>Dây trần</td><td>Dây bọc</td><td>Dây trần</td><td>Dây trần</td><td>Dây trần</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách an toàn phóng điện</td><td>1,0 m</td><td>2,0 m</td><td>1,5 m</td><td>3,0 m</td><td>4,0 m</td><td>6,0 m</td></tr>
</table>
3. Trước khi xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn đường
</td>
<td>Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP</td>
</tr>
</table>

	đường dây dẫn điện trên không theo yêu cầu kỹ thuật tại khoản 4 Điều 8 Nghị định này. Cơ quan cấp phép xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến đơn vị quản lý vận hành lưới điện trước khi cấp phép xây dựng nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn. 4. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không phải bảo đảm các quy định tại Điều 15 Nghị định này. 5. Chủ sở hữu ao, hồ nơi đường dây dẫn điện trên không điện áp cao đi qua phải có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý vận hành cắm biển cảnh báo và không được câu cá trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không và khu vực có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp. 6. Trong phạm vi 1.000 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện cao áp, siêu cao áp trên không hoặc 500 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện trung áp ra các phía xung quanh, tổ chức, cá nhân không được thả diều, vật thể bay trừ các thiết bị phục vụ quốc phòng, an ninh và của đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực làm nhiệm vụ kiểm tra, vận hành và bảo trì công trình. 7. Tổ chức, cá nhân không được đắp đất, xếp các loại vật liệu, thiết bị hoặc đổ phế thải trong hành lang an toàn bảo vệ đường dây dẫn điện trên không làm thay đổi khoảng cách từ dây dẫn điện trên không đến mặt đất tự nhiên hoặc vi phạm khoảng cách an toàn về điện.	dây dẫn điện trên không theo yêu cầu kỹ thuật tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này này. Cơ quan cấp phép xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến đơn vị quản lý vận hành lưới điện trước khi cấp phép xây dựng nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn. 4. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không phải bảo đảm các quy định tại Điều 15 Thông tư này. 5. Chủ sở hữu ao, hồ nơi đường dây dẫn điện trên không điện áp cao đi qua ~~phải có trách nhiệm~~ không phối hợp với đơn vị quản lý vận hành cắm biển cảnh báo an toàn theo quy định. Xây dựng, bố trí vị trí cho người câu cá nằm ~~và không được câu cá~~ trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không ~~và~~ hoặc khu vực có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp. 6. Trong phạm vi 1.000 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện cao áp, siêu cao áp trên không hoặc 500 m tính từ mép ngoài công trình lưới điện trung áp ra các phía xung quanh, tổ chức, cá nhân không được thả diều, vật thể bay trừ các thiết bị phục vụ quốc phòng, an ninh và của đơn vị quản lý vận hành công trình điện lực làm nhiệm vụ kiểm tra, vận hành và bảo trì công trình. 7. Tổ chức, cá nhân không được đắp đất, xếp các loại vật liệu, thiết bị hoặc đổ phế thải trong hành lang an toàn bảo vệ đường dây dẫn điện trên không làm thay đổi khoảng cách từ dây dẫn điện trên không đến mặt đất tự nhiên hoặc vi phạm khoảng cách an toàn về	

<table>
<tr>
<td></td>
<td>8. Khi tiến hành công việc gần hành lang hoặc trong hành lang bảo vệ đường dây dẫn điện trên không, tổ chức, cá nhân phải có biện pháp không để thiết bị, dụng cụ, phương tiện vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định trong bảng sau, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện công việc áp dụng công nghệ phù hợp hoặc do yêu cầu cấp bách của công tác quốc phòng, an ninh phải có sự thoả thuận bằng văn bản với đơn vị điện lực về các biện pháp bảo đảm an toàn cần thiết:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>Trên 01 kV đến 35 kV</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách an toàn phóng điện</td><td>2,0 m</td><td>3,0 m</td><td>4,0 m</td><td>6,0 m</td></tr>
</table>
</td>
<td>điện.
8. Khi tiến hành công việc gần hành lang hoặc trong hành lang bảo vệ đường dây dẫn điện trên không, tổ chức, cá nhân phải có biện pháp không để thiết bị, dụng cụ, phương tiện vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp được quy định trong bảng sau, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện công việc áp dụng công nghệ phù hợp hoặc do yêu cầu cấp bách của công tác quốc phòng, an ninh phải có sự thoả thuận bằng văn bản với đơn vị điện lực về các biện pháp bảo đảm an toàn cần thiết:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>Trên 01 kV đến 35 kV</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách an toàn phóng điện</td><td>2,0 m</td><td>3,0 m</td><td>4,0 m</td><td>6,0 m</td></tr>
</table>
</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Điều 5. Bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm
1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý, vận hành đường cáp điện ngầm trong đất, trong nước có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, lắp đặt dấu hiệu cảnh báo vị trí đường cáp điện ngầm. Dấu hiệu cảnh báo phải có kích thước, thông tin và đặt ở vị trí phù hợp để tổ chức, cá nhân nhận biết và tuân thủ các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường thủy nội địa hoặc quản lý cảng biển và luồng hàng hải.</td>
<td>Điều 5. Bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm
1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý, vận hành đường cáp điện ngầm trong đất, trong nước có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, lắp đặt dấu hiệu cảnh báo vị trí đường cáp điện ngầm. Dấu hiệu cảnh báo phải có kích thước, thông tin và đặt ở vị trí phù hợp để tổ chức, cá nhân nhận biết và tuân thủ các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường thủy nội địa hoặc quản lý cảng biển và luồng hàng hải.
2. Trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường cáp</td>
<td>Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP</td>
</tr>
</table>

	2. Trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trong vùng nước thủy nội địa không được thực hiện các hoạt động neo đậu tàu thuyền, đánh bắt cá và các hoạt động khác có nguy cơ tác động cơ học đến đường cáp điện ngầm. 3. Khi thi công các công trình trên mặt đất, trong lòng đất hoặc nạo vét lòng sông, hồ, vùng biển trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm, bên thi công phải thông báo trước ít nhất 10 ngày cho đơn vị quản lý vận hành đường cáp điện ngầm và thống nhất với đơn vị quản lý vận hành lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn đường cáp điện ngầm và an toàn trong quá trình thi công xây dựng. 4. Tổ chức, cá nhân sử dụng đất hợp pháp trong hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trong đất phải có biện pháp ngăn chặn các hoạt động sử dụng đất gây tác động đến đường cáp điện ngầm, xả nước thải và các chất ăn mòn khác vào khu vực hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm. 5. Việc bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trên biển phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định sau: a) Chủ đầu tư đường cáp điện ngầm trên biển phải tiến hành thiết lập các tín hiệu cảnh báo, các biện pháp bảo vệ và thực hiện thông báo hàng hải theo quy định pháp luật về hàng hải; b) Trong hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trên biển, các tổ chức, cá nhân không được	điện ngầm trong vùng nước thủy nội địa không được thực hiện các hoạt động neo đậu tàu thuyền, đánh bắt cá và các hoạt động khác có nguy cơ tác động cơ học đến đường cáp điện ngầm. 3. Khi thi công các công trình trên mặt đất, trong lòng đất hoặc nạo vét lòng sông, hồ, vùng biển trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm, bên thi công phải thông báo trước ít nhất 10 ngày cho đơn vị quản lý vận hành đường cáp điện ngầm và thống nhất với đơn vị quản lý vận hành lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn đường cáp điện ngầm và an toàn trong quá trình thi công xây dựng. 4. Tổ chức, cá nhân sử dụng đất hợp pháp trong hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trong đất phải có biện pháp ngăn chặn các hoạt động sử dụng đất gây tác động đến đường cáp điện ngầm, xả nước thải và các chất ăn mòn khác vào khu vực hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm. 5. Việc bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trên biển phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định sau: a) Chủ đầu tư đường cáp điện ngầm trên biển phải tiến hành thiết lập các tín hiệu cảnh báo, các biện pháp bảo vệ và thực hiện thông báo hàng hải theo quy định pháp luật về hàng hải; b) Trong hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm trên biển, các tổ chức, cá nhân không được đánh bắt cá và các hoạt động tác động đến trầm tích đáy biển. Trong phạm vi 02 hải lý tính từ mép ngoài cùng	

	đánh bắt cá và các hoạt động tác động đến trầm tích đáy biển. Trong phạm vi 02 hải lý tính từ mép ngoài cùng về 02 phía của đường cáp điện ngầm, các tàu thuyền không có nhiệm vụ không được thả neo, bảo đảm an toàn đường cáp điện ngầm.	về 02 phía của đường cáp điện ngầm, các tàu thuyền không có nhiệm vụ không được thả neo, bảo đảm an toàn đường cáp điện ngầm.	
4	**Điều 6. Bảo vệ an toàn trạm điện** 1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình trạm điện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn đối với công trình trạm điện thuộc phạm vi quản lý. 2. Người sử dụng đất, sở hữu cây có trách nhiệm không để nhà ở, công trình, cây trồng trên phần đất của mình vi phạm hành lang bảo vệ an toàn trạm điện. 3. Trong hành lang an toàn trạm điện không được tập trung đông người, dựng lều quán, buôn bán, để xe, buộc gia súc, trừ trường hợp kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa trạm điện. 4. Nhà ở và công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ an toàn của trạm điện phải bảo đảm không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện; không xâm phạm đường ra vào trạm điện, đường cấp thoát nước của trạm điện, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm và đường dây dẫn điện trên không của trạm điện; không làm cản trở hệ thống thông gió của trạm điện; không để cho nước thải xâm nhập làm hư hỏng công trình điện. 5. Đường ra vào trạm điện có điện áp từ 110 kV trở lên phải bảo đảm cho phương tiện cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy di chuyển khi thực hiện nhiệm vụ.	**Điều 6. Bảo vệ an toàn trạm điện** 1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành công trình trạm điện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn đối với công trình trạm điện thuộc phạm vi quản lý. 2. Người sử dụng đất, sở hữu cây có trách nhiệm không để nhà ở, công trình, cây trồng trên phần đất của mình vi phạm hành lang bảo vệ an toàn trạm điện. 3. Trong hành lang an toàn trạm điện không được tập trung đông người, dựng lều quán, buôn bán, để xe, buộc gia súc, trừ trường hợp kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa trạm điện. 4. Nhà ở và công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ an toàn của trạm điện phải bảo đảm không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện; không xâm phạm đường ra vào trạm điện, đường cấp thoát nước của trạm điện, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm và đường dây dẫn điện trên không của trạm điện; không làm cản trở hệ thống thông gió của trạm điện; không để cho nước thải xâm nhập làm hư hỏng công trình điện. 5. Đường ra vào trạm điện có điện áp từ 110 kV trở lên phải bảo đảm cho phương tiện cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy di chuyển khi thực hiện nhiệm vụ.	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

5	**Điều 7. Bảo vệ an toàn nhà máy phát điện và công trình điện lực khác** 1. Yêu cầu chung về bảo vệ an toàn nhà máy điện và công trình điện lực khác a) Phải được bảo vệ nghiêm ngặt, xung quanh phải có tường rào hoặc biện pháp bảo vệ để ngăn chặn người không có nhiệm vụ vào nhà máy phát điện, công trình điện lực khác; lắp đặt biển báo an toàn điện theo quy định pháp luật; b) Phòng đặt trang thiết bị điện phải có biển báo khu vực nguy hiểm, đường thoát hiểm, hệ thống chiếu sáng đầy đủ, hệ thống thông gió làm mát thiết bị, cửa thông gió phải có lưới bảo vệ chống sự xâm nhập của các loài động vật; c) Tùy theo đặc tính kỹ thuật và yêu cầu bảo vệ của từng loại trang thiết bị điện, phải đặt lưới bảo vệ, vách ngăn và treo biển báo an toàn điện; phải bảo đảm khoảng cách an toàn từ lưới bảo vệ hoặc vách ngăn đến phần mang điện của trang thiết bị và có các biện pháp hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu của môi trường đến hoạt động của trang thiết bị điện; d) Hệ thống cáp điện trong nhà máy phát điện, công trình điện lực khác phải được sắp xếp trật tự theo chủng loại, tính năng kỹ thuật, cấp điện áp và được đặt trên các giá đỡ. Cáp điện đi qua khu vực có ảnh hưởng của nhiệt độ cao phải được cách nhiệt và đi trong ống bảo vệ; đ) Hầm cáp, mương cáp phải có nắp đậy kín, thoát nước tốt, bảo quản sạch sẽ, khô ráo. Không được để	**Điều 7. Bảo vệ an toàn nhà máy phát điện ~~và công trình điện lực khác~~** 1. Yêu cầu chung về bảo vệ an toàn nhà máy phát điện ~~và công trình điện lực khác~~ a) Phải được bảo vệ nghiêm ngặt, xung quanh phải có tường rào hoặc biện pháp bảo vệ để ngăn chặn người không có nhiệm vụ vào nhà máy phát điện, công trình điện lực khác; lắp đặt biển báo an toàn điện theo quy định pháp luật; b) Phòng đặt trang thiết bị điện phải có biển báo khu vực nguy hiểm, đường thoát hiểm, hệ thống chiếu sáng đầy đủ, hệ thống thông gió làm mát thiết bị, cửa thông gió phải có lưới bảo vệ chống sự xâm nhập của các loài động vật; c) Tùy theo đặc tính kỹ thuật và yêu cầu bảo vệ của từng loại trang thiết bị điện, phải đặt lưới bảo vệ, vách ngăn và treo biển báo an toàn điện; phải bảo đảm khoảng cách an toàn từ lưới bảo vệ hoặc vách ngăn đến phần mang điện của trang thiết bị và có các biện pháp hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu của môi trường đến hoạt động của trang thiết bị điện; d) Hệ thống cáp điện trong nhà máy phát điện~~, công trình điện lực khác~~ phải được sắp xếp trật tự theo chủng loại, tính năng kỹ thuật, cấp điện áp và được đặt trên các giá đỡ. Cáp điện đi qua khu vực có ảnh hưởng của nhiệt độ cao phải được cách nhiệt và đi trong ống bảo vệ; đ) Hầm cáp, mương cáp phải có nắp đậy kín, thoát nước tốt, bảo quản sạch sẽ, khô ráo. Không được để	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

	nước, dầu, hóa chất, tạp vật tích tụ trong hầm cáp, mương cáp. Hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng điện áp an toàn phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật điện và an toàn điện; e) Các trang thiết bị và hệ thống chống sét, nối đất trong nhà máy điện và các công trình điện lực khác phải được lắp đặt đúng thiết kế và được kiểm tra nghiệm thu, kiểm tra định kỳ theo đúng quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện và an toàn điện. 2. Công trình điện gió phải tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định an toàn sau: a) Chủ đầu tư công trình điện gió có trách nhiệm công bố công khai mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió; b) Cột tháp gió, tuabin gió phải có tín hiệu cảnh báo hàng không theo quy định pháp luật về hàng không. Cánh quạt gió phải có dấu hiệu nhận biết phù hợp; c) Đối với công trình điện gió trên biển, chủ đầu tư có trách nhiệm thiết lập, duy trì hệ thống quản lý an toàn bảo đảm kiểm soát các rủi ro trong toàn bộ hoạt động của công trình điện gió trên biển và thực hiện báo hiệu hàng hải theo quy định pháp luật về hàng hải Việt Nam. Trong phạm vi 02 hải lý tính từ mép ngoài cùng của cột tháp gió, trạm biến áp, cầu dẫn cáp điện và các hạng mục phụ trợ của công trình điện gió các tàu thuyền không có nhiệm vụ không được thả neo, bảo đảm an toàn cột tháp gió; d) Tổ chức, cá nhân sử dụng đất, mặt nước hợp pháp trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình	nước, dầu, hóa chất, tạp vật tích tụ trong hầm cáp, mương cáp. Hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng điện áp an toàn phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật điện và an toàn điện; e) Các trang thiết bị và hệ thống chống sét, nối đất trong nhà máy phát điện ~~và các công trình điện lực khác~~ phải được lắp đặt đúng thiết kế và được kiểm tra nghiệm thu, kiểm tra định kỳ theo đúng quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện và an toàn điện. 2. Công trình điện gió phải tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định an toàn sau: a) Chủ đầu tư công trình điện gió có trách nhiệm công bố công khai mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió; b) Cột tháp gió, tuabin gió phải có tín hiệu cảnh báo hàng không theo quy định pháp luật về hàng không. Cánh quạt gió phải có dấu hiệu nhận biết phù hợp; c) Đối với công trình điện gió trên biển, chủ đầu tư có trách nhiệm thiết lập, duy trì hệ thống quản lý an toàn bảo đảm kiểm soát các rủi ro trong toàn bộ hoạt động của công trình điện gió trên biển và thực hiện báo hiệu hàng hải theo quy định pháp luật về hàng hải Việt Nam. Trong phạm vi 02 hải lý tính từ mép ngoài cùng của cột tháp gió, trạm biến áp, cầu dẫn cáp điện và các hạng mục phụ trợ của công trình điện gió các tàu thuyền không có nhiệm vụ không được thả neo, bảo đảm an toàn cột tháp gió; d) Tổ chức, cá nhân sử dụng đất, mặt nước hợp pháp trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình	

	nguồn điện khi triển khai các hoạt động trong phạm vi trên mặt đất, dưới lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện phải có trách nhiệm bảo đảm an toàn kỹ thuật cho công trình nguồn điện và có sự thỏa thuận với chủ công trình nguồn điện về các biện pháp bảo đảm an toàn kỹ thuật cho công trình theo quy định.	nguồn điện khi triển khai các hoạt động trong phạm vi trên mặt đất, dưới lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện phải có trách nhiệm bảo đảm an toàn kỹ thuật cho công trình nguồn điện và có sự thỏa thuận với chủ công trình nguồn điện về các biện pháp bảo đảm an toàn kỹ thuật cho công trình theo quy định.	
6	**Điều 8. Trách nhiệm phối hợp trong xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình điện lực và công trình khác** 1. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình xây dựng có khả năng gây ảnh hưởng đến công trình điện lực, chủ đầu tư công trình xây dựng phải phối hợp với đơn vị điện lực triển khai các nội dung: a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho người, công trình xây dựng; b) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp hoặc nguy cơ gây hư hỏng công trình điện lực theo hướng dẫn của đơn vị điện lực; c) Chủ đầu tư và đơn vị thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình để xảy ra sự cố, tai nạn hoặc hư hỏng công trình điện lực phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật về dân sự; d) Trường hợp chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình xây dựng không phối hợp với đơn vị điện lực thực hiện theo điểm b khoản này	**Điều 8. Trách nhiệm phối hợp trong xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình điện lực và công trình khác** 1. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình xây dựng có khả năng gây ảnh hưởng đến công trình điện lực, chủ đầu tư công trình xây dựng phải phối hợp với đơn vị điện lực triển khai các nội dung: a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho người, công trình xây dựng; b) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp hoặc nguy cơ gây hư hỏng công trình điện lực theo hướng dẫn của đơn vị điện lực; c) Chủ đầu tư và đơn vị thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình để xảy ra sự cố, tai nạn hoặc hư hỏng công trình điện lực phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật về dân sự; d) Trường hợp chủ đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình xây dựng không phối hợp với đơn vị điện lực thực hiện theo điểm b khoản này thì đơn vị điện lực báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan thẩm quyền cấp phép xây dựng để xử lý theo	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

	thì đơn vị điện lực báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan thẩm quyền cấp phép xây dựng để xử lý theo quy định của pháp luật. 2. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng trạm sạc điện (trừ các thiết bị/trụ sạc điện được lắp đặt vào công trình, hạng mục công trình để phục vụ cho tiện ích công trình và sử dụng cho phương tiện giao thông, các phương tiện, thiết bị khác hoặc sử dụng cá nhân): a) Chủ đầu tư xây dựng trạm sạc điện có trách nhiệm thiết kế, xây dựng, cải tạo, mở rộng trạm sạc điện đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện, an toàn điện và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác có liên quan; bảo đảm các thiết bị sử dụng điện của trạm sạc điện hoạt động an toàn; không gây sự cố, không làm ảnh hưởng đến chất lượng điện áp, tần số của lưới điện; không làm ảnh hưởng đến nhà ở, công trình xung quanh; tuân thủ các quy định chung về an toàn điện quy định tại Điều 17 Nghị định này; b) Đơn vị quản lý vận hành lưới điện có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư cung cấp hạ tầng kỹ thuật điện an toàn cho trạm sạc điện. 3. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình điện lực có khả năng gây ảnh hưởng đến nhà ở, công trình khác thì chủ đầu tư công trình điện lực có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người, nhà ở, công trình khác xung quanh và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người sử dụng đất khi làm hư hỏng đến nhà ở, công trình xung quanh theo quy định	quy định của pháp luật. 2. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng trạm sạc điện (trừ các thiết bị/trụ sạc điện được lắp đặt vào công trình, hạng mục công trình để phục vụ cho tiện ích công trình và sử dụng cho phương tiện giao thông, các phương tiện, thiết bị khác hoặc sử dụng cá nhân): a) Chủ đầu tư xây dựng trạm sạc điện có trách nhiệm thiết kế, xây dựng, cải tạo, mở rộng trạm sạc điện đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về kỹ thuật điện, an toàn điện và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác có liên quan; bảo đảm các thiết bị sử dụng điện của trạm sạc điện hoạt động an toàn; không gây sự cố, không làm ảnh hưởng đến chất lượng điện áp, tần số của lưới điện; không làm ảnh hưởng đến nhà ở, công trình xung quanh; tuân thủ các quy định chung về an toàn điện quy định tại Điều 22 Thông tư này; b) Đơn vị quản lý vận hành lưới điện có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư cung cấp hạ tầng kỹ thuật điện an toàn cho trạm sạc điện. 3. Khi xây dựng, cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng công trình điện lực có khả năng gây ảnh hưởng đến nhà ở, công trình khác thì chủ đầu tư công trình điện lực có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người, nhà ở, công trình khác xung quanh và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người sử dụng đất khi làm hư hỏng đến nhà ở, công trình xung quanh theo quy định của pháp luật về dân sự. 4. Khi đơn vị điện lực khắc phục sự cố hoặc cải tạo, sửa chữa, bảo trì công trình điện lực mà phải triển khai	

	của pháp luật về dân sự. 4. Khi đơn vị điện lực khắc phục sự cố hoặc cải tạo, sửa chữa, bảo trì công trình điện lực mà phải triển khai trong khu vực đất thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân khác thì người có quyền sử dụng đất có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị điện lực tiếp cận công trình điện lực để kiểm tra, sửa chữa, bảo trì và khắc phục sự cố. Đơn vị điện lực có trách nhiệm sau đây: a) Thông báo cho người sử dụng đất về kế hoạch sửa chữa, bảo trì định kỳ trước khi thực hiện tối thiểu 05 ngày; b) Trường hợp kiểm tra, khắc phục sự cố công trình điện lực, đơn vị điện lực được phép tiếp cận ngay hiện trường để khắc phục sự cố, đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay cho người sử dụng đất; nếu không thông báo được cho người sử dụng đất thì phải thông báo chính quyền địa phương gần nhất biết để phối hợp xử lý; c) Trong quá trình kiểm tra, sửa chữa, bảo trì và khắc phục sự cố quy định tại khoản này, đơn vị điện lực có trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của người sử dụng đất. Trường hợp gây thiệt hại cho người sử dụng đất thì đơn vị điện lực có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật về dân sự. 5. Khi xây dựng, cải tạo nâng cấp đoạn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao vượt qua nhà ở, công trình có người sinh sống, làm việc bên trong; khu vực chợ, quảng trường, bệnh viện, trường học, nơi tổ	trong khu vực đất thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân khác thì người có quyền sử dụng đất có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị điện lực tiếp cận công trình điện lực để kiểm tra, sửa chữa, bảo trì và khắc phục sự cố. Đơn vị điện lực có trách nhiệm sau đây: a) Thông báo cho người sử dụng đất về kế hoạch sửa chữa, bảo trì định kỳ trước khi thực hiện tối thiểu 05 ngày; b) Trường hợp kiểm tra, khắc phục sự cố công trình điện lực, đơn vị điện lực được phép tiếp cận ngay hiện trường để khắc phục sự cố, đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay cho người sử dụng đất; nếu không thông báo được cho người sử dụng đất thì phải thông báo chính quyền địa phương gần nhất biết để phối hợp xử lý; c) Trong quá trình kiểm tra, sửa chữa, bảo trì và khắc phục sự cố quy định tại khoản này, đơn vị điện lực có trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của người sử dụng đất. Trường hợp gây thiệt hại cho người sử dụng đất thì đơn vị điện lực có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật về dân sự. 5. Khi xây dựng, cải tạo nâng cấp đoạn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao vượt qua nhà ở, công trình có người sinh sống, làm việc bên trong; khu vực chợ, quảng trường, bệnh viện, trường học, nơi tổ chức hội chợ, triển lãm, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, bến tàu, bến xe, nhà ga; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; khu di tích lịch sử -	

chức hội chợ, triển lãm, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, bến tàu, bến xe, nhà ga; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được nhà nước xếp hạng, chủ đầu tư, đơn vị điện lực phải tăng cường các biện pháp an toàn điện đối với đường dây theo các quy định sau:

a) Cột phải là cột thép hoặc bê tông cốt thép; hệ số an toàn của cột, xà, móng cột không nhỏ hơn 1,2;

b) Trong một khoảng cột, dây dẫn điện và dây chống sét không được phép có mối nối, trừ dây dẫn điện có tiết diện từ 240 mm^2 trở lên cho phép có một mối nối cho một dây. Hệ số an toàn của dây dẫn điện, dây chống sét không nhỏ hơn 2,5;

c) Cách điện phải bố trí kép cùng chủng loại và đặc tính kỹ thuật. Dây dẫn điện, dây chống sét nếu mắc trên cách điện kiểu treo phải sử dụng khoá đỡ kiểu cố định. Hệ số an toàn của cách điện và các phụ kiện phải đáp ứng đúng tiêu chuẩn theo quy định hiện hành;

d) Khoảng cách từ điểm thấp nhất của dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại đến mặt đất phải bảo đảm khoảng cách an toàn trong bảng sau, trừ trường hợp cải tạo đường dây không có cấu phần xây dựng.

Điện áp	Trên 01 kV đến 35 kv	110 kV	220 kV
Khoảng cách	14 m	15 m	18 m

văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được nhà nước xếp hạng, chủ đầu tư, đơn vị điện lực phải tăng cường các biện pháp an toàn điện đối với đường dây theo các quy định sau:

a) Cột phải là cột thép hoặc bê tông cốt thép; hệ số an toàn của cột, xà, móng cột không nhỏ hơn 1,2;

b) Trong một khoảng cột, dây dẫn điện và dây chống sét không được phép có mối nối, trừ dây dẫn điện có tiết diện từ 240 mm^2 trở lên cho phép có một mối nối cho một dây. Hệ số an toàn của dây dẫn điện, dây chống sét không nhỏ hơn 2,5;

c) Cách điện phải bố trí kép cùng chủng loại và đặc tính kỹ thuật. Dây dẫn điện, dây chống sét nếu mắc trên cách điện kiểu treo phải sử dụng khoá đỡ kiểu cố định. Hệ số an toàn của cách điện và các phụ kiện phải đáp ứng đúng tiêu chuẩn theo quy định hiện hành;

d) Khoảng cách từ điểm thấp nhất của dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại đến mặt đất phải bảo đảm khoảng cách an toàn trong bảng sau, trừ trường hợp cải tạo đường dây không có cấu phần xây dựng.

Điện áp	Trên 01 kV đến 35 kv	110 kV	220 kV
Khoảng cách	14 m	15 m	18 m

6. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời với đơn vị điện lực hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện các hiện tượng mất an toàn điện, các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn điện.

	6. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời với đơn vị điện lực hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện các hiện tượng mất an toàn điện, các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn điện. 7. Đường dây dẫn điện được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật. Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo đường dây dẫn điện có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư/đơn vị quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để thỏa thuận và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho đường dây dẫn điện, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, cộng đồng theo quy định của pháp luật hiện hành và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến an toàn điện, an toàn cho công trình hạ tầng kỹ thuật. 8. Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, giải quyết, xử lý các vi phạm về bảo vệ công trình điện lực và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định của pháp luật.	7. Đường dây dẫn điện được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật. Chủ đầu tư xây dựng, cải tạo đường dây dẫn điện có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư/đơn vị quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để thỏa thuận và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho đường dây dẫn điện, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, cộng đồng theo quy định của pháp luật hiện hành và các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến an toàn điện, an toàn cho công trình hạ tầng kỹ thuật. 8. Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, giải quyết, xử lý các vi phạm về bảo vệ công trình điện lực và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực theo quy định của pháp luật.	
7	**Điều 9. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không** 1. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không là vùng xung quanh đường dây dẫn điện trên không được giới hạn bởi chiều dài, chiều rộng, chiều cao như sau: a) Chiều dài hành lang bảo vệ an toàn được tính từ vị	**Điều 9. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không** 1. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không là vùng xung quanh đường dây dẫn điện trên không được giới hạn bởi chiều dài, chiều rộng, chiều cao như sau: a) Chiều dài hành lang bảo vệ an toàn được tính từ vị	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

<table>
<tr>
<td></td>
<td>
trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm kế tiếp;
b) Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh theo quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td rowspan="2">Điện áp</td><td colspan="2">Trên 01 kV đến 22 kV</td><td colspan="2">35 kV</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
<tr><td>Dây bọc</td><td>Dây trần</td><td>Dây bọc</td><td>Dây trần</td><td>Dây trần</td><td>Dây trần</td><td>Dây trần</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>1,0 m</td><td>2,0 m</td><td>1,5 m</td><td>3,0 m</td><td>4,0 m</td><td>6,0 m</td><td>7,0 m</td></tr>
</table>
c) Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>Trên 01 kV đến 35 kV</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>2,0 m</td><td>3,0 m</td><td>4,0 m</td><td>6,0 m</td></tr>
</table>
2. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện đi trên mặt đất hoặc trên không được giới hạn về các phía 0,5 m tính từ mặt ngoài của sợi cáp ngoài cùng trở ra.
</td>
<td>
trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm kế tiếp;
b) Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh theo quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td rowspan="2">Điện áp</td><td colspan="2">Trên 01 kV đến 22 kV</td><td colspan="2">35 kV</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
<tr><td>Dây bọc</td><td>Dây trần</td><td>Dây bọc</td><td>Dây trần</td><td>Dây trần</td><td>Dây trần</td><td>Dây trần</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>1,0 m</td><td>2,0 m</td><td>1,5 m</td><td>3,0 m</td><td>4,0 m</td><td>6,0 m</td><td>7,0 m</td></tr>
</table>
c) Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>Trên 01 kV đến 35 kV</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>2,0 m</td><td>3,0 m</td><td>4,0 m</td><td>6,0 m</td></tr>
</table>
2. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện có điện áp trên 1kV đi trên mặt đất hoặc trên không được giới hạn về các phía 0,5 m tính từ mặt ngoài của sợi cáp ngoài cùng trở ra.
</td>
<td></td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>8</td>
<td>
Điều 10. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm
1. Chiều dài hành lang được tính từ vị trí cáp ra khỏi ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm này đến vị trí vào ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm kế tiếp.
2. Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi:
a) Mặt ngoài của mương cáp đối với cáp đặt trong mương cáp;
b) Hai mặt thẳng đứng cách mặt ngoài của vỏ cáp hoặc sợi cáp ngoài cùng về hai phía của đường cáp điện ngầm đối với cáp đặt trực tiếp trong đất, trong nước được quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td rowspan="2">Loại cáp điện</td><td colspan="2">Đặt trực tiếp trong đất</td><td colspan="2">Đặt trong vùng nước sông, hồ</td><td rowspan="2">Đặt trong vùng biển</td></tr>
<tr><td>Đất ổn định</td><td>Đất không ổn định</td><td>Nơi không có tàu thuyền qua lại</td><td>Nơi có tàu thuyền qua lại</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>1,0 m</td><td>1,5 m</td><td>20 m</td><td>100 m</td><td>100 m</td></tr>
</table>
3. Chiều cao được tính từ mặt đất hoặc mặt nước đến:
a) Mặt ngoài của đáy móng mương cáp đối với cáp đặt trong mương cáp;
b) Độ sâu thấp hơn điểm thấp nhất của vỏ cáp là 1,5 m đối với cáp đặt trực tiếp trong đất hoặc trong nước.
</td>
<td>
Điều 10. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm
1. Chiều dài hành lang được tính từ vị trí cáp ra khỏi ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm này đến vị trí vào ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm kế tiếp.
2. Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi:
a) Mặt ngoài của mương cáp đối với cáp đặt trong mương cáp;
b) Hai mặt thẳng đứng cách mặt ngoài của vỏ cáp hoặc sợi cáp ngoài cùng về hai phía của đường cáp điện ngầm đối với cáp đặt trực tiếp trong đất, trong nước được quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td rowspan="2">Loại cáp điện</td><td colspan="2">Đặt trực tiếp trong đất</td><td colspan="2">Đặt trong vùng nước sông, hồ</td><td rowspan="2">Đặt trong vùng biển</td></tr>
<tr><td>Đất ổn định</td><td>Đất không ổn định</td><td>Nơi không có tàu thuyền qua lại</td><td>Nơi có tàu thuyền qua lại</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>1,0 m</td><td>1,5 m</td><td>20 m</td><td>100 m</td><td>100 m</td></tr>
</table>
3. Chiều cao được tính từ mặt đất hoặc mặt nước đến:
a) Mặt ngoài của đáy móng mương cáp đối với cáp đặt trong mương cáp;
b) Độ sâu thấp hơn điểm thấp nhất của vỏ cáp là 1,5 m đối với cáp đặt trực tiếp trong đất hoặc trong nước.
</td>
<td>Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>9</td>
<td>
Điều 11. Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện
1. Đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ an toàn là hình khối có chiều cao từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình cộng với khoảng cách an toàn theo cấp điện áp, chiều rộng được giới hạn bởi không gian bao quanh trạm điện có khoảng cách đến các bộ phận mang điện gần nhất của trạm điện theo quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>Trên 01 kV đến 22 kV</td><td>35 kV</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>2,0 m</td><td>3,0 m</td></tr>
</table>
2. Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, hành lang bảo vệ an toàn được giới hạn đến điểm ngoài cùng của móng, kè bảo vệ tường hoặc hàng rào; chiều cao hành lang được tính từ đáy móng sâu nhất của công trình trạm điện đến điểm cao nhất của trạm điện cộng thêm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp như sau:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>Trên 01 kV đến 35 kV</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>2,0 m</td><td>3,0 m</td><td>4,0 m</td><td>6,0 m</td></tr>
</table>
3. Đối với các trạm biến áp, trạm phân phối điện hợp bộ, trạm cách điện khí, trạm kín có vỏ bằng kim loại, hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài của phần vỏ kim loại.
</td>
<td>
Điều 11. Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện
1. Đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ an toàn là hình khối có chiều cao từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình cộng với khoảng cách an toàn theo cấp điện áp, chiều rộng được giới hạn bởi không gian bao quanh trạm điện có khoảng cách đến các bộ phận mang điện gần nhất của trạm điện theo quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>Trên 01 kV đến 22 kV</td><td>35 kV</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>2,0 m</td><td>3,0 m</td></tr>
</table>
2. Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, hành lang bảo vệ an toàn được giới hạn đến điểm ngoài cùng của móng, kè bảo vệ tường hoặc hàng rào; chiều cao hành lang được tính từ đáy móng sâu nhất của công trình trạm điện đến điểm cao nhất của trạm điện cộng thêm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp như sau:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>Trên 01 kV đến 35 kV</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>2,0 m</td><td>3,0 m</td><td>4,0 m</td><td>6,0 m</td></tr>
</table>
3. Đối với các trạm biến áp, trạm phân phối điện hợp bộ, trạm cách điện khí, trạm kín có vỏ bằng kim loại, hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài của phần vỏ kim loại.
</td>
<td>Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP</td>
</tr>
</table>

10	**Điều 12. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió và các công trình nguồn điện khác** 1. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió a) Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió trên đất liền và trên biển được xác định gồm: Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió; hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm hoặc trên không từ cột tháp gió đến trạm điện; hành lang bảo vệ an toàn trạm điện và hành lang bảo vệ đường dây truyền tải, phân phối của công trình điện gió đến điểm đấu nối và hành lang bảo vệ an toàn các hạng mục phụ trợ khác của công trình điện gió; b) Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió là vùng xung quanh cột tháp gió được giới hạn bằng nửa hình cầu có tâm là tâm của chân cột tháp gió, bán kính bằng khoảng cách tối đa từ tâm của chân cột tháp đến mép ngoài cùng cánh tua bin gió. 2. Căn cứ tình hình phát triển dự án nguồn điện từng thời kỳ, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Chính phủ ban hành quy định về hành lang bảo vệ an toàn đối với các công trình nguồn điện khác.	**Điều 12. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió và các công trình nguồn điện khác** 1. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió a) Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió trên đất liền và trên biển được xác định gồm: Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió; hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm hoặc trên không từ cột tháp gió đến trạm điện; hành lang bảo vệ an toàn trạm điện và hành lang bảo vệ đường dây truyền tải, phân phối của công trình điện gió đến điểm đấu nối và hành lang bảo vệ an toàn các hạng mục phụ trợ khác của công trình điện gió; b) Hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió là vùng xung quanh cột tháp gió được giới hạn bằng nửa hình cầu có tâm là tâm của chân cột tháp gió, bán kính bằng khoảng cách tối đa từ tâm của chân cột tháp gió đến điểm trên cùng cánh tua bin gió theo phương thẳng đứng, ở trạng thái tĩnh. 2. Căn cứ tình hình phát triển dự án nguồn điện từng thời kỳ, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Chính phủ ban hành quy định về hành lang bảo vệ an toàn đối với các công trình nguồn điện khác.	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP
11	**Điều 13. Khoảng cách an toàn ở các vị trí giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường giao thông** 1. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường sắt, chiều cao tối thiểu của dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái	**Điều 13. Khoảng cách an toàn ở các vị trí giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường giao thông** 1. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường sắt, chiều cao tối thiểu của dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

	võng cực đại bằng 4,5 m cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp điểm cao nhất trên phương tiện vận chuyển có chiều cao lớn hơn 4,5 m thì chủ phương tiện phải liên hệ với đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp để thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết. 2. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường sắt dành cho tàu chạy điện, chiều cao tối thiểu của dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái võng cực đại bằng 7,5 m cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này. 3. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường bộ, khoảng cách theo phương thẳng đứng tính từ điểm cao nhất của mặt đường bộ tới điểm thấp nhất của đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ không nhỏ hơn chiều cao tĩnh không của đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp điểm cao nhất trên phương tiện vận chuyển có chiều cao lớn hơn khoảng cách quy định tại khoản này thì chủ phương tiện phải liên hệ với đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp để thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết. 4. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường thủy nội địa, chiều cao tối thiểu	võng cực đại bằng 4,5 m cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp điểm cao nhất trên phương tiện vận chuyển có chiều cao lớn hơn 4,5 m thì chủ phương tiện phải liên hệ với đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp để thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết. 2. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường sắt dành cho tàu chạy điện, chiều cao tối thiểu của dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái võng cực đại bằng 7,5 m cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này. 3. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường bộ, khoảng cách theo phương thẳng đứng tính từ điểm cao nhất của mặt đường bộ tới điểm thấp nhất của đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ không nhỏ hơn chiều cao tĩnh không của đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp điểm cao nhất trên phương tiện vận chuyển có chiều cao lớn hơn khoảng cách quy định tại khoản này thì chủ phương tiện phải liên hệ với đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp để thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết. 4. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường thủy nội địa, chiều cao tối thiểu	

	của dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái võng cực đại bằng chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về đường thủy nội địa cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này. Phương tiện vận tải thủy khi đi qua điểm giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường thủy nội địa phải bảo đảm chiều cao không vượt quá chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa đó. Khoảng cách an toàn của đường dây dẫn điện trên không giao chéo với tuyến giao thông đường biển được quy định cho từng trường hợp cụ thể. 5. Khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp ở các điểm giao chéo với đường giao thông được quy định trong bảng sau đây:	của dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái võng cực đại bằng chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật về đường thủy nội địa cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định tại khoản 5 Điều này. Phương tiện vận tải thủy khi đi qua điểm giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường thủy nội địa phải bảo đảm chiều cao không vượt quá chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa đó. Khoảng cách an toàn của đường dây dẫn điện trên không giao chéo với tuyến giao thông đường biển được quy định cho từng trường hợp cụ thể. 5. Khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp ở các điểm giao chéo với đường giao thông được quy định trong bảng sau đây:

Cấp điện áp	Trên 01 kV đến 35 kV	110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách an toàn phóng điện tại khoản 1, khoản 2 Điều này	3,0 m	3,0 m	4,0 m	7,5 m
Khoảng cách an toàn phóng điện tại khoản 3 Điều này	2,5 m	2,5 m	3,5 m	5,5 m
Khoảng cách an toàn phóng điện tại khoản 4 Điều này	1,5 m	2,0 m	3,0 m	4,5 m

Cấp điện áp	Trên 01 kV đến 35 kV	110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách an toàn phóng điện tại khoản 1, khoản 2 Điều này	3,0 m	3,0 m	4,0 m	7,5 m
Khoảng cách an toàn phóng điện tại khoản 3 Điều này	2,5 m	2,5 m	3,5 m	5,5 m
Khoảng cách an toàn phóng điện tại khoản 4 Điều này	1,5 m	2,0 m	3,0 m	4,5 m

12	**Điều 14. Sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực** 1. Người sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực có trách nhiệm tuân thủ quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 68 Luật Điện lực. 2. Trường hợp sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực gây ảnh hưởng đến an toàn công trình điện lực thì người sử dụng đất phải phối hợp với đơn vị điện lực thực hiện các biện pháp khắc phục như sau: a) Triển khai các biện pháp khắc phục nhằm bảo đảm nhà ở, công trình đáp ứng yêu cầu tại Điều 16 Nghị định này; b) Việc triển khai các biện pháp khắc phục phải được thực hiện ngay sau khi có thông báo của đơn vị điện lực. Chi phí triển khai các biện pháp khắc phục tại điểm a khoản này do chủ đầu tư công trình hình thành sau chi trả; c) Việc xây dựng, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định này. Chi phí cải tạo công trình điện lực do chủ đầu tư công trình xây dựng, cải tạo nhà ở chi trả. 3. Trường hợp hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực chồng lấn với hành lang bảo vệ các công trình khác, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc sau đây: a) Trường hợp chồng lấn với hành lang an toàn	**Điều 14. Sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực** 1. Người sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực có trách nhiệm tuân thủ quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 68 Luật Điện lực. 2. Trường hợp sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực gây ảnh hưởng đến an toàn công trình điện lực thì người sử dụng đất phải phối hợp với đơn vị điện lực thực hiện các biện pháp khắc phục như sau: a) Triển khai các biện pháp khắc phục nhằm bảo đảm nhà ở, công trình đáp ứng yêu cầu tại Điều 16 Thông tư này; b) Việc triển khai các biện pháp khắc phục phải được thực hiện ngay sau khi có thông báo của đơn vị điện lực. Chi phí triển khai các biện pháp khắc phục tại điểm a khoản này do chủ đầu tư công trình hình thành sau chi trả; c) Việc xây dựng, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này. Chi phí cải tạo công trình điện lực do chủ đầu tư công trình xây dựng, cải tạo nhà ở chi trả. 3. Trường hợp hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực chồng lấn với hành lang bảo vệ các công trình khác, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc sau đây: a) Trường hợp chồng lấn với hành lang an toàn đường	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

	đường sắt, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang an toàn cho đường sắt. Việc quản lý, sử dụng hành lang an toàn đường sắt không được làm ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện lực; b) Trường hợp chồng lấn với hành lang bảo vệ đường thủy nội địa, việc quản lý, sử dụng hành lang bảo vệ đường thủy nội địa không được ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện; c) Đối với công trình điện lực nằm trong phạm vi bảo vệ đê điều theo quy định của Luật Đê điều hoặc có hành lang bảo vệ an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đê điều, việc phân định ranh giới quản lý và sử dụng đất được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên bố trí thực hiện theo quy định của pháp luật về đê điều; d) Trường hợp công trình điện lực đi chung với đường bộ hoặc có hành lang bảo vệ an toàn chồng lấn với hành lang an toàn đường bộ, công trình có sau phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình có trước. Việc quản lý, sử dụng hành lang an toàn đường bộ không được làm ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện lực; đ) Tại các vị trí công trình điện lực chồng lấn, giao chéo nhau, hành lang an toàn công trình điện lực được xác định theo công trình có cấp kỹ thuật cao hơn; các công trình liền kề nhau được xác định hành lang an toàn công trình theo công trình có cấp điện áp cao hơn.	sắt, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang an toàn cho đường sắt. Việc quản lý, sử dụng hành lang an toàn đường sắt không được làm ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện lực; b) Trường hợp chồng lấn với hành lang bảo vệ đường thủy nội địa, việc quản lý, sử dụng hành lang bảo vệ đường thủy nội địa không được ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện; c) Đối với công trình điện lực nằm trong phạm vi bảo vệ đê điều theo quy định của Luật Đê điều hoặc có hành lang bảo vệ an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đê điều, việc phân định ranh giới quản lý và sử dụng đất được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên bố trí thực hiện theo quy định của pháp luật về đê điều; d) Trường hợp công trình điện lực đi chung với đường bộ hoặc có hành lang bảo vệ an toàn chồng lấn với hành lang an toàn đường bộ, công trình có sau phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình có trước. Việc quản lý, sử dụng hành lang an toàn đường bộ không được làm ảnh hưởng đến an toàn vận hành công trình điện lực; đ) Tại các vị trí công trình điện lực chồng lấn, giao chéo nhau, hành lang an toàn công trình điện lực được xác định theo công trình có cấp kỹ thuật cao hơn; các công trình liền kề nhau được xác định hành lang an toàn công trình theo công trình có cấp điện áp cao hơn. 4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ,	

<table>
<tr><td></td><td>4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư công trình điện lực lập và thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, bồi thường thiệt hại về đất đai, tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai; quản lý, bảo vệ diện tích đất dành cho dự án và hành lang an toàn của công trình điện lực.</td><td>quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư công trình điện lực lập và thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, bồi thường thiệt hại về đất đai, tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai; quản lý, bảo vệ diện tích đất dành cho dự án và hành lang an toàn của công trình điện lực.</td><td></td></tr>
<tr><td>13</td><td>Điều 15. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao
1. Cây trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao
a) Đối với đường dây dẫn điện có điện áp đến 35 kV trong thành phố, thị xã, thị trấn thì khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td colspan="2">Đến 35 kV</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Khoảng cách</td><td>Dây bọc</td><td>Dây trần</td></tr>
<tr><td>0,7 m</td><td>1,5 m</td></tr>
</table>
b) Đối với đường dây có điện áp từ 110 kV đến 500 kV trong thành phố, thị xã, thị trấn thì khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau, trừ trường hợp đặc biệt phải có biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép.
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
</table></td><td>Điều 15. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao
1. Cây trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao
a) Đối với đường dây dẫn điện có điện áp đến 35 kV trong đô thị ~~thành phố, thị xã, thị trấn~~ thì khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td colspan="2">Đến 35 kV</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Khoảng cách</td><td>Dây bọc</td><td>Dây trần</td></tr>
<tr><td>0,7 m</td><td>1,5 m</td></tr>
</table>
b) Đối với đường dây có điện áp từ 110 kV đến 500 kV trong đô thị ~~thành phố, thị xã, thị trấn~~ thì khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau, trừ trường hợp đặc biệt phải có biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép.
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>110 kV</td><td>220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
</table></td><td>Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP</td></tr>
</table>

Khoảng cách	Dây trần		
	2,0 m	3,0 m	4,5 m

c) Đối với đường dây ngoài thành phố, thị xã, thị trấn thì khoảng cách từ điểm cao nhất của cây theo chiều thẳng đứng đến độ cao của dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV		110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách	Dây bọc	Dây trần	Dây trần		
	0,7 m	2,0 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

d) Đường dây dẫn điện trên không vượt qua rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có nguồn gốc là rừng tự nhiên thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình điện lực phải bảo đảm khoảng cách theo phương thẳng đứng từ chiều cao trung bình của cây đã phát triển tối đa đến dây dẫn điện thấp nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn quy định tại điểm c khoản này, đối với những cây cao vượt quá chiều cao trung bình của cây đã phát triển tối đa thì được phép chặt tỉa cành cây hoặc hạ chiều cao của cây để bảo đảm khoảng cách an toàn phóng điện. Việc chặt tỉa cành cây hoặc hạ chiều cao của cây phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

đ) Cây trong hành lang và có trước khi có thông báo thu hồi đất để xây dựng công trình lưới điện có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện tại điểm

Khoảng cách	Dây trần		
	2,0 m	3,0 m	4,5 m

c) Đối với đường dây ngoài đô thị ~~thành phố, thị xã, thị trấn~~ thì khoảng cách từ điểm cao nhất của cây theo chiều thẳng đứng đến độ cao của dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV		110 kV	220 kV	500 kV
Khoảng cách	Dây bọc	Dây trần	Dây trần		
	0,7 m	2,0 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

d) Đường dây dẫn điện trên không vượt qua rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất có nguồn gốc là rừng tự nhiên thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình điện lực phải bảo đảm khoảng cách theo phương thẳng đứng từ chiều cao trung bình của cây đã phát triển tối đa đến dây dẫn điện thấp nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn quy định tại điểm c khoản này, đối với những cây cao vượt quá chiều cao trung bình của cây đã phát triển tối đa thì được phép chặt tỉa cành cây hoặc hạ chiều cao của cây để bảo đảm khoảng cách an toàn phóng điện. Việc chặt tỉa cành cây hoặc hạ chiều cao của cây phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

đ) Cây trong hành lang và có trước khi có thông báo thu hồi đất để xây dựng công trình lưới điện có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này thì chủ đầu tư công trình lưới

<table>
<tr>
<td></td>
<td>a, điểm b, điểm c khoản này thì chủ đầu tư công trình lưới điện có trách nhiệm kiểm tra, chặt, tỉa cây và thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Cây ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao
a) Khoảng cách từ bộ phận bất kỳ của cây khi cây bị đổ đến bộ phận bất kỳ của đường dây dẫn điện không nhỏ hơn khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>Đến 35 kV</td><td>110 kV và 220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>0,7 m</td><td>1,0 m</td><td>2,0 m</td></tr>
</table>
b) Cây trong thành phố, thị xã, thị trấn không đáp ứng khoảng cách tại điểm a khoản này phải có biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận;
c) Cây có trước khi có thông báo thu hồi đất để xây dựng công trình lưới điện có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện tại điểm a khoản này thì chủ đầu tư công trình lưới điện có trách nhiệm kiểm tra, chặt, tỉa cây và thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.
3. Lúa, hoa màu chỉ được trồng cách mép móng cột điện, móng néo ít nhất là 0,5 m.
4. Người sử dụng đất, chủ sở hữu cây có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, kịp thời chặt tỉa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp của đường dây dẫn điện trên không.</td>
<td>điện có trách nhiệm kiểm tra, chặt, tỉa cây và thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Cây ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao
a) Khoảng cách từ bộ phận bất kỳ của cây khi cây bị đổ đến bộ phận bất kỳ của đường dây dẫn điện không nhỏ hơn khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp quy định trong bảng sau:
<table>
<tr><td>Điện áp</td><td>Đến 35 kV</td><td>110 kV và 220 kV</td><td>500 kV</td></tr>
<tr><td>Khoảng cách</td><td>0,7 m</td><td>1,0 m</td><td>2,0 m</td></tr>
</table>
b) Cây trong đô thị ~~thành phố, thị xã, thị trấn~~ không đáp ứng khoảng cách tại điểm a khoản này phải có biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận;
c) Cây có trước khi có thông báo thu hồi đất để xây dựng công trình lưới điện có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện tại điểm a khoản này thì chủ đầu tư công trình lưới điện có trách nhiệm kiểm tra, chặt, tỉa cây và thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.
3. Lúa, hoa màu chỉ được trồng cách mép móng cột điện, móng néo ít nhất là 0,5 m.
4. Người sử dụng đất, chủ sở hữu cây có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, kịp thời chặt tỉa phần cây có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp của đường dây dẫn điện trên không.
5. Đơn vị điện lực có trách nhiệm thường xuyên kiểm</td>
<td></td>
</tr>
</table>

	5. Đơn vị điện lực có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không do mình quản lý, khi phát hiện nguy cơ cây vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp của đường dây dẫn điện trên không phải kịp thời thông báo, hướng dẫn và phối hợp với người sử dụng đất, sở hữu cây chặt tỉa phần cây có nguy cơ vi phạm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị và công trình điện lực. Trường hợp người sử dụng đất, sở hữu cây không thực hiện việc chặt tỉa phần cây vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều này, đơn vị điện lực báo cáo Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương để xử lý chặt tỉa bảo đảm an toàn.	tra hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không do mình quản lý, khi phát hiện nguy cơ cây vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp của đường dây dẫn điện trên không phải kịp thời thông báo, hướng dẫn và phối hợp với người sử dụng đất, sở hữu cây chặt tỉa phần cây có nguy cơ vi phạm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị và công trình điện lực. Trường hợp người sử dụng đất, sở hữu cây không thực hiện việc chặt tỉa phần cây vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều này, đơn vị điện lực báo cáo Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương để xử lý chặt tỉa bảo đảm an toàn.	
14	**Điều 16. Điều kiện để nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong và gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không** 1. Nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 kV phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Mái lợp và tường bao phải làm bằng vật liệu không cháy và bảo đảm kết cấu an toàn xây dựng; b) Không gây cản trở đường ra vào để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các bộ phận công trình lưới điện; c) Khoảng cách từ bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình đến dây dẫn điện gần nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách an toàn quy định trong bảng sau:	**Điều 16. Điều kiện để nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong và gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không** 1. Nhà ở, công trình xây dựng tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220 kV phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: a) Mái lợp và tường bao phải làm bằng vật liệu không cháy và bảo đảm kết cấu an toàn xây dựng; b) Không gây cản trở đường ra vào để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các bộ phận công trình lưới điện; c) Khoảng cách từ bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình đến dây dẫn điện gần nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách an toàn quy định trong bảng sau:	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

Điện áp	Trên 01 kV đến 35 kV	110 kV	220 kV
Khoảng cách	3,0 m	4,0 m	6,0 m

d) Đối với đường dây dẫn điện trên không có điện áp 220 kV, ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản này còn phải đáp ứng yêu cầu sau: cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m tại điểm bất kỳ ở ngoài nhà cách mặt đất 01 m và nhỏ hơn hoặc bằng 1 kV/m tại điểm bất kỳ ở bên trong nhà cách mặt đất 01 m; các kết cấu kim loại của công trình phải được nối đất phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Nhà ở, công trình có người sinh sống và làm việc gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có cấp điện áp từ 500 kV trở lên phải bảo đảm cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m và các kết cấu kim loại của công trình phải được nối đất phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

3. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không điện áp đến 220 kV theo quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện 01 lần như sau:

Điện áp	Trên 01 kV đến 35 kV	110 kV	220 kV
Khoảng cách	3,0 m	4,0 m	6,0 m

d) Đối với đường dây dẫn điện trên không có điện áp 220 kV, ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản này còn phải đáp ứng yêu cầu sau: cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m tại điểm bất kỳ ở ngoài nhà cách mặt đất 01 m và nhỏ hơn hoặc bằng 1 kV/m tại điểm bất kỳ ở bên trong nhà cách mặt đất 01 m; các kết cấu kim loại của công trình phải được nối đất phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Nhà ở, công trình có người sinh sống và làm việc gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có cấp điện áp từ 220 kV trở lên phải bảo đảm cường độ điện trường nhỏ hơn 5 kV/m và các kết cấu kim loại của công trình phải được nối đất phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

3. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không điện áp đến 220 kV theo quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện 01 lần như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an

	a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không. Mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định; b) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, hỗ trợ dựa trên điều kiện thực tế của từng địa phương; c) Nhà, công trình tồn tại trong hành lang nhưng chưa đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng xem xét hỗ trợ cải tạo nhằm đáp ứng các điều kiện tại điểm a khoản 1 Điều này; d) Trường hợp nhà ở, công trình không thể cải tạo được để đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, mà phải dỡ bỏ hoặc di dời thì chủ sở hữu nhà ở, công trình được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai. 4. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân nằm gần hành lang bảo vệ an toàn và giữa hai đường dây dẫn điện trên không điện áp 500	toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không. Mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định; b) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, hỗ trợ dựa trên điều kiện thực tế của từng địa phương; c) Nhà, công trình tồn tại trong hành lang nhưng chưa đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng xem xét hỗ trợ cải tạo nhằm đáp ứng các điều kiện tại điểm a khoản 1 Điều này; d) Trường hợp nhà ở, công trình không thể cải tạo được để đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, mà phải dỡ bỏ hoặc di dời thì chủ sở hữu nhà ở, công trình được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai. 4. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân nằm gần hành lang bảo vệ an toàn và giữa hai đường dây dẫn điện trên không điện áp 500 kV, có khoảng cách theo phương nằm ngang giữa hai dây dẫn pha ngoài cùng gần nhất của hai đường dây	

	kV, có khoảng cách theo phương nằm ngang giữa hai dây dẫn pha ngoài cùng gần nhất của hai đường dây nhỏ hơn hoặc bằng 60 m thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được lựa chọn một trong hai hình thức xử lý sau: a) Được bồi thường, hỗ trợ để di dời như đối với nhà ở, công trình nằm trong hành lang bảo vệ an toàn phải giải tỏa theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; b) Nếu không có nhu cầu di dời thì phải có văn bản đề nghị được ở lại gửi Ủy ban nhân dân các cấp nơi có nhà ở, công trình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền để đầu tư xây dựng đường dây 500 kV xây dựng sau và được bồi thường, hỗ trợ do giảm khả năng sử dụng đất như đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn công trình theo quy định của pháp luật về đất đai.	nhỏ hơn hoặc bằng 60 m thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được lựa chọn một trong hai hình thức xử lý sau: a) Được bồi thường, hỗ trợ để di dời như đối với nhà ở, công trình nằm trong hành lang bảo vệ an toàn phải giải tỏa theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; b) Nếu không có nhu cầu di dời thì phải có văn bản đề nghị được ở lại gửi Ủy ban nhân dân các cấp nơi có nhà ở, công trình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền để đầu tư xây dựng đường dây 500 kV xây dựng sau và được bồi thường, hỗ trợ do giảm khả năng sử dụng đất như đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn công trình theo quy định của pháp luật về đất đai.	
15	**Điều 23. Trách nhiệm huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện** 1. Người làm công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện, công trình điện lực, kiểm định, thí nghiệm, xây lắp, sửa chữa đường dây điện hoặc thiết bị điện phải được huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện. 2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức hoặc thuê đơn vị đủ năng lực tổ chức huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện cho người lao động thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này.	**Điều 17. Trách nhiệm huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện** 1. Người làm công việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống điện, công trình điện lực, kiểm định, thí nghiệm, xây lắp, sửa chữa đường dây điện hoặc thiết bị điện phải được huấn luyện, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện. 2. Người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện, sát hạch (nếu đủ điều kiện) hoặc thuê đơn vị đủ năng lực tổ chức huấn luyện, sát hạch,. Sau khi có kết quả sát hạch đạt yêu cầu, người sử dụng lao động chịu trách	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

	3. Hoạt động huấn luyện an toàn điện được tổ chức riêng hoặc kết hợp với các hoạt động huấn luyện an toàn khác được pháp luật quy định.	nhiệm cấp thẻ an toàn điện cho người lao động thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này. 3. Hoạt động huấn luyện an toàn điện được tổ chức riêng hoặc kết hợp với các hoạt động huấn luyện an toàn khác được pháp luật quy định.	
16	**Điều 24. Nội dung huấn luyện phần lý thuyết** Nội dung huấn luyện phần lý thuyết được xây dựng theo từng công việc cụ thể tương ứng với bậc an toàn điện quy định tại Điều 27 Nghị định này, bao gồm: 1. Nội dung huấn luyện chung a) Hệ thống văn bản pháp luật về an toàn điện; b) Sơ đồ hệ thống điện, các yêu cầu bảo đảm an toàn cho hệ thống điện; c) Biện pháp tổ chức để bảo đảm an toàn khi tiến hành công việc: Khảo sát, lập biên bản hiện trường (nếu cần); lập kế hoạch; đăng ký lịch công tác; tổ chức các đơn vị công tác; làm việc theo Phiếu công tác hoặc Lệnh công tác; thủ tục cho phép làm việc; giám sát an toàn trong thời gian làm việc; thủ tục cho phép làm thủ tục kết thúc công việc và đóng điện trở lại; d) Biện pháp kỹ thuật chuẩn bị nơi làm việc an toàn: Cắt điện và ngăn chặn có điện trở lại nơi làm việc; kiểm tra không còn điện; nối đất; lập rào chắn, thiết lập vùng làm việc an toàn, treo biển cấm, biển báo; đ) Cách nhận biết và biện pháp loại trừ nguy cơ gây sự cố, rủi ro và tai nạn tại nơi làm việc và phương pháp tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện, sơ cấp cứu	**Điều 18. Nội dung huấn luyện phần lý thuyết** Nội dung huấn luyện phần lý thuyết được xây dựng theo từng công việc cụ thể ~~tương ứng với bậc an toàn điện quy định tại Điều 21 Thông tư này~~, bao gồm: 1. Nội dung huấn luyện chung a) Hệ thống văn bản pháp luật về an toàn điện; b) Sơ đồ hệ thống điện, các yêu cầu bảo đảm an toàn cho hệ thống điện; c) Biện pháp tổ chức để bảo đảm an toàn khi tiến hành công việc: Khảo sát, lập biên bản hiện trường (nếu cần); lập kế hoạch; đăng ký lịch công tác; tổ chức các đơn vị công tác; làm việc theo Phiếu công tác hoặc Lệnh công tác; thủ tục cho phép làm việc; giám sát an toàn trong thời gian làm việc; thủ tục cho phép làm thủ tục kết thúc công việc và đóng điện trở lại; d) Biện pháp kỹ thuật chuẩn bị nơi làm việc an toàn: Cắt điện và ngăn chặn có điện trở lại nơi làm việc; kiểm tra không còn điện; nối đất; lập rào chắn, thiết lập vùng làm việc an toàn, treo biển cấm, biển báo; đ) Cách nhận biết và biện pháp loại trừ nguy cơ gây sự cố, rủi ro và tai nạn tại nơi làm việc và phương pháp tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện, sơ cấp cứu người bị tai nạn điện;	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

	người bị tai nạn điện; e) Tính năng, tác dụng, cách sử dụng, cách bảo quản, quy định về kiểm tra (thí nghiệm, kiểm định) các trang thiết bị an toàn, phương tiện, dụng cụ làm việc phù hợp với công việc của người lao động. 2. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc vận hành đường dây điện a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc vận hành đường dây; b) Quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố đường dây điện; c) An toàn trong việc: Kiểm tra đường dây điện; làm việc trên đường dây điện đã cắt điện hoặc có điện; chặt, tỉa cây trong và gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện; làm việc trên cao. 3. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc vận hành thiết bị, trạm điện: a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc vận hành trạm điện; b) Quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố, quy định an toàn cho thiết bị điện, trạm điện; c) An toàn trong việc: Kiểm tra thiết bị điện; đưa thiết bị điện vào hoặc ngừng vận hành; làm việc với các thiết bị điện. 4. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc xây lắp điện a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc xây lắp điện; b) An toàn trong việc đào, đổ móng cột; đào mương	e) Tính năng, tác dụng, cách sử dụng, cách bảo quản, quy định về kiểm tra (thí nghiệm, kiểm định) các trang thiết bị an toàn, phương tiện, dụng cụ làm việc phù hợp với công việc của người lao động. 2. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc vận hành đường dây điện a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc vận hành đường dây; b) Quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố đường dây điện; c) An toàn trong việc: Kiểm tra đường dây điện; làm việc trên đường dây điện đã cắt điện hoặc có điện; chặt, tỉa cây trong và gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây điện; làm việc trên cao. 3. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc vận hành thiết bị, trạm điện: a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc vận hành trạm điện; b) Quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố, quy định an toàn cho thiết bị điện, trạm điện; c) An toàn trong việc: Kiểm tra thiết bị điện; đưa thiết bị điện vào hoặc ngừng vận hành; làm việc với các thiết bị điện. 4. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc xây lắp điện a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc xây lắp điện; b) An toàn trong việc đào, đổ móng cột; đào mương cáp ngầm;	

	cáp ngầm; c) An toàn trong việc lắp, dựng cột, xà, xứ; d) An toàn trong việc rải, căng dây dẫn, dây chống sét; đ) An toàn trong việc lắp đặt thiết bị điện. 5. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc thí nghiệm điện, kiểm định a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc thí nghiệm điện, kiểm định; b) Quy trình kiểm định, quy trình thí nghiệm, quy định an toàn khi sử dụng các thiết bị khi thực hiện kiểm định, thí nghiệm; c) An toàn điện trong việc tiến hành thử nghiệm, kiểm định các thiết bị, dụng cụ điện. 6. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc sửa chữa đường dây điện, thiết bị điện a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc sửa chữa đường dây điện, thiết bị điện; b) Đối với đường dây điện: An toàn trong việc sửa chữa trên đường dây điện đã cắt điện hoặc có điện đi độc lập hoặc trong vùng ảnh hưởng của đường dây khác đang vận hành; c) Đối với thiết bị điện: An toàn trong khi làm việc với từng loại thiết bị điện. 7. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc treo, tháo, kiểm tra, kiểm định hệ thống đo, đếm điện năng tại vị trí lắp đặt: a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát	c) An toàn trong việc lắp, dựng cột, xà, xứ; d) An toàn trong việc rải, căng dây dẫn, dây chống sét; đ) An toàn trong việc lắp đặt thiết bị điện. 5. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc thí nghiệm điện, kiểm định a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc thí nghiệm điện, kiểm định; b) Quy trình kiểm định, quy trình thí nghiệm, quy định an toàn khi sử dụng các thiết bị khi thực hiện kiểm định, thí nghiệm; c) An toàn điện trong việc tiến hành thử nghiệm, kiểm định các thiết bị, dụng cụ điện. 6. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc sửa chữa đường dây điện, thiết bị điện a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc sửa chữa đường dây điện, thiết bị điện; b) Đối với đường dây điện: An toàn trong việc sửa chữa trên đường dây điện đã cắt điện hoặc có điện đi độc lập hoặc trong vùng ảnh hưởng của đường dây khác đang vận hành; c) Đối với thiết bị điện: An toàn trong khi làm việc với từng loại thiết bị điện. 7. Nội dung huấn luyện cho người làm công việc treo, tháo, kiểm tra, kiểm định hệ thống đo, đếm điện năng tại vị trí lắp đặt: a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc treo, tháo, kiểm tra, kiểm định hệ thống đo, đếm điện năng;	

	trong công việc treo, tháo, kiểm tra, kiểm định hệ thống đo, đếm điện năng; b) An toàn trong việc treo, tháo, kiểm tra, kiểm định hệ thống đo, đếm điện năng tại vị trí lắp đặt khi có điện hoặc không có điện. 8. Nội dung huấn luyện cho điều độ viên hệ thống điện a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc điều độ viên; b) Các quy trình quy định liên quan đến điều độ, thao tác, xử lý sự cố, các quy trình vận hành thiết bị thuộc quyền điều khiển; c) An toàn khi thao tác, xử lý sự cố, giao nhận đường dây, thiết bị điện thuộc quyền điều khiển giữa điều độ viên với trực ban đơn vị quản lý vận hành.	b) An toàn trong việc treo, tháo, kiểm tra, kiểm định hệ thống đo, đếm điện năng tại vị trí lắp đặt khi có điện hoặc không có điện. 8. Nội dung huấn luyện cho điều độ viên hệ thống điện a) Nhận diện mối nguy và đưa ra biện pháp kiểm soát trong công việc điều độ viên; b) Các quy trình quy định liên quan đến điều độ, thao tác, xử lý sự cố, các quy trình vận hành thiết bị thuộc quyền điều khiển; c) An toàn khi thao tác, xử lý sự cố, giao nhận đường dây, thiết bị điện thuộc quyền điều khiển giữa điều độ viên với trực ban đơn vị quản lý vận hành.	
17	**Điều 25. Nội dung huấn luyện phần thực hành** 1. Cách sử dụng, bảo quản, kiểm tra, thí nghiệm, kiểm định các trang thiết bị an toàn, phương tiện, dụng cụ làm việc phù hợp với công việc của người lao động. 2. Phương pháp tách người bị điện giật ra khỏi nguồn điện, đưa người bị nạn từ trên cao xuống và sơ cứu người bị tai nạn điện. 3. Những nội dung thao tác liên quan đến việc bảo đảm an toàn phù hợp với công việc của người lao động. 4. Những nội dung liên quan đến biện pháp tổ chức và biện pháp kỹ thuật khi thực hiện công việc.	**Điều 19. Nội dung huấn luyện phần thực hành** 1. Cách sử dụng, bảo quản, kiểm tra, thí nghiệm, kiểm định các trang thiết bị an toàn, phương tiện, dụng cụ làm việc phù hợp với công việc của người lao động. 2. Phương pháp tách người bị điện giật ra khỏi nguồn điện, đưa người bị nạn từ trên cao xuống và sơ cứu người bị tai nạn điện. 3. Những nội dung thao tác liên quan đến việc bảo đảm an toàn phù hợp với công việc của người lao động. 4. Những nội dung liên quan đến biện pháp tổ chức và biện pháp kỹ thuật khi thực hiện công việc.	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

18	**Điều 26. Tổ chức huấn luyện** 1. Người sử dụng lao động, đơn vị tổ chức huấn luyện có trách nhiệm: a) Xây dựng tài liệu huấn luyện, sát hạch và quy định thời gian huấn luyện phù hợp với bậc an toàn và vị trí công việc của người lao động; b) Lựa chọn người huấn luyện, sát hạch bảo đảm năng lực theo quy định tại khoản 2 Điều này; c) Tổ chức huấn luyện, sát hạch, xếp bậc và cấp thẻ an toàn điện cho người lao động sau khi kiểm tra đạt yêu cầu. Trường hợp kết quả kiểm tra phần lý thuyết hoặc phần thực hành không đạt yêu cầu thì phải huấn luyện lại phần chưa đạt; d) Quản lý, theo dõi công tác huấn luyện, sát hạch, xếp bậc và cấp thẻ an toàn điện tại đơn vị. 2. Người huấn luyện, sát hạch về an toàn điện a) Người huấn luyện, sát hạch phần lý thuyết phải có trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành huấn luyện và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm công tác phù hợp với chuyên ngành đó; b) Người huấn luyện, sát hạch phần thực hành có trình độ cao đẳng trở lên, thông thạo và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm công việc phù hợp với chuyên ngành huấn luyện. 3. Hình thức và thời gian huấn luyện, sát hạch a) Hình thức huấn luyện: Huấn luyện phần lý thuyết được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến; huấn luyện phần thực hành được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp;	**Điều 20. Tổ chức huấn luyện** 1. Người sử dụng lao động, đơn vị tổ chức huấn luyện có trách nhiệm: a) Xây dựng tài liệu huấn luyện, sát hạch và quy định thời gian huấn luyện phù hợp với bậc an toàn và vị trí công việc của người lao động; b) Lựa chọn người huấn luyện, sát hạch bảo đảm năng lực theo quy định tại khoản 2 Điều này; c) Tổ chức huấn luyện, sát hạch, xếp bậc và cấp thẻ an toàn điện cho người lao động sau khi kiểm tra đạt yêu cầu. Trường hợp kết quả kiểm tra phần lý thuyết hoặc phần thực hành không đạt yêu cầu thì phải huấn luyện lại phần chưa đạt; d) Quản lý, theo dõi công tác huấn luyện, sát hạch, xếp bậc và cấp thẻ an toàn điện tại đơn vị. 2. Người huấn luyện, sát hạch về an toàn điện a) Người huấn luyện, sát hạch phần lý thuyết phải có trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành huấn luyện và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm công tác phù hợp với chuyên ngành đó; b) Người huấn luyện, sát hạch phần thực hành có trình độ cao đẳng trở lên, thông thạo và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm công việc phù hợp với chuyên ngành huấn luyện. 3. Hình thức và thời gian huấn luyện, sát hạch a) Hình thức huấn luyện: Huấn luyện phần lý thuyết được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến; huấn luyện phần thực hành được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp;	Kế thừa Nghị định số 62/2025/NĐ-CP

	b) Huấn luyện lần đầu: Thực hiện khi người lao động mới được tuyển dụng. Thời gian huấn luyện lần đầu ít nhất 24 giờ; c) Huấn luyện định kỳ: Thực hiện trong hạn tối đa 2 năm kể từ ngày người lao động được huấn luyện lần gần nhất. Thời gian huấn luyện định kỳ ít nhất 08 giờ; d) Huấn luyện lại: Khi người lao động chuyển đổi vị trí công việc hoặc thay đổi bậc an toàn hoặc có sự thay đổi thiết bị, công nghệ; khi kết quả kiểm tra của người lao động không đạt yêu cầu hoặc khi người lao động đã nghỉ làm việc từ 6 tháng trở lên sau đó trở lại làm việc. Thời gian huấn luyện lại ít nhất 08 giờ. 4. Tùy theo điều kiện cụ thể, người sử dụng lao động có thể tổ chức huấn luyện riêng về an toàn điện theo nội dung quy định tại Nghị định này hoặc kết hợp huấn luyện các nội dung về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy hoặc phối hợp với đơn vị huấn luyện khác được pháp luật quy định.	b) Huấn luyện lần đầu: Thực hiện khi người lao động mới được tuyển dụng. Thời gian huấn luyện lần đầu ít nhất 24 giờ; c) Huấn luyện định kỳ: Thực hiện trong hạn tối đa 2 năm kể từ ngày người lao động được huấn luyện lần gần nhất. Thời gian huấn luyện định kỳ ít nhất 08 giờ; d) Huấn luyện lại: Khi người lao động chuyển đổi vị trí công việc hoặc thay đổi bậc an toàn hoặc có sự thay đổi thiết bị, công nghệ; khi kết quả kiểm tra của người lao động không đạt yêu cầu hoặc khi người lao động đã nghỉ làm việc từ 6 tháng trở lên sau đó trở lại làm việc. Thời gian huấn luyện lại ít nhất 08 giờ. 4. Tùy theo điều kiện cụ thể, người sử dụng lao động có thể tổ chức huấn luyện riêng về an toàn điện theo nội dung quy định tại Nghị định này hoặc kết hợp huấn luyện các nội dung về an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy hoặc phối hợp với đơn vị huấn luyện khác được pháp luật quy định.	
19	**Điều 27. Bậc an toàn điện** Thẻ an toàn điện được phân thành 5 bậc an toàn, từ bậc 1/5 đến 5/5 với kết quả sát hạch cả lý thuyết và thực hành đều phải đạt từ 80% trở lên. 1. Yêu cầu đối với bậc 1/5: a) Kết quả huấn luyện lần đầu về lý thuyết và thực hành đạt 80% trở lên; b) Có kiến thức về những quy định chung để đảm bảo an toàn khi thực hiện công việc được giao; c) Sử dụng và quản lý trang thiết bị an toàn, phương	**Bãi bỏ**	Tiếp thu ý kiến của Bộ Nội Vụ để phù hợp với thực tiễn trong việc đơn giản hóa các Thủ tục hành chính cho doanh nghiệp

	tiện, dụng cụ làm việc được giao đúng quy định; d) Có kiến thức về sơ cứu người bị điện giật. 2. Yêu cầu đối với bậc 2/5: a) Hiểu rõ những quy định chung và biện pháp bảo đảm an toàn khi thực hiện công việc được giao; b) Sử dụng và quản lý trang thiết bị an toàn, phương tiện, dụng cụ làm việc được giao đúng quy định; c) Hiểu rõ phương pháp tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện; d) Có kiến thức về sơ cứu người bị điện giật. 3. Yêu cầu đối với bậc 3/5: a) Yêu cầu như đối với bậc 2/5; b) Có khả năng phát hiện vi phạm, hành vi không an toàn; c) Có kỹ năng kiểm tra, giám sát người làm việc ở đường dây hoặc thiết bị điện. 4. Yêu cầu đối với bậc 4/5 a) Yêu cầu như đối với bậc 3/5; b) Hiểu rõ trách nhiệm, phạm vi thực hiện của từng đơn vị công tác khi cùng tham gia thực hiện công việc; c) Có kỹ năng lập biện pháp an toàn để thực hiện công việc và tổ chức giám sát, theo dõi công nhân làm việc; d) Có khả năng phân tích, điều tra sự cố, tai nạn điện. 5. Yêu cầu đối với bậc 5/5: a) Yêu cầu như đối với bậc 4/5; b) Có kỹ năng phối hợp với các đơn vị công tác khác, lãnh đạo công việc, tổ chức tiến hành các biện pháp an		

	toàn và kiểm tra theo dõi thực hiện công việc.		
20	**Điều 28. Những công việc được làm theo bậc an toàn điện** 1. Bậc 1/5 được làm những phần công việc sau: a) Được làm các công việc không tiếp xúc với thiết bị hoặc dây dẫn mang điện; b) Tham gia phụ việc cho đơn vị công tác làm việc trên thiết bị điện, đường dây điện. 2. Bậc 2/5 được làm những phần công việc sau: a) Làm phần công việc của bậc 1/5; b) Làm việc tại nơi đã được cắt điện hoàn toàn. 3. Bậc 3/5 được làm những phần công việc sau: a) Làm phần công việc của bậc 2/5; b) Làm việc tại nơi được cắt điện từng phần; c) Làm việc trực tiếp với đường dây điện, thiết bị điện hạ áp đang mang điện; d) Thực hiện thao tác trên lưới điện áp cao; đ) Kiểm tra trạm điện, đường dây điện đang vận hành; e) Cấp lệnh công tác, chỉ huy trực tiếp, cho phép đơn vị công tác vào làm việc, giám sát đơn vị công tác làm việc trên đường dây điện, thiết bị điện hạ áp. 4. Bậc 4/5 được làm những phần công việc sau: a) Làm phần công việc của bậc 3/5; b) Làm việc trực tiếp với đường dây điện, thiết bị điện áp cao đang mang điện; c) Cấp phiếu công tác, lệnh công tác, chỉ huy trực tiếp, cho phép đơn vị công tác vào làm việc, giám sát	**Bãi bỏ**	Tiếp thu ý kiến của Bộ Nội Vụ để phù hợp với thực tiễn trong việc đơn giản hóa các Thủ tục hành chính cho doanh nghiệp

	đơn vị công tác làm việc trên đường dây điện, thiết bị điện áp cao. 5. Bậc 5/5 làm toàn bộ công việc thuộc phạm vi được giao.		
21	**Điều 29. Thẻ an toàn điện** 1. Thẻ an toàn điện được cấp bằng thẻ giấy hoặc thẻ điện tử theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Người sử dụng lao động hoặc đơn vị tổ chức huấn luyện, sát hạch tiến hành cấp thẻ an toàn điện trong các trường hợp sau đây: a) Sau khi người lao động được huấn luyện lần đầu và sát hạch đạt yêu cầu; b) Khi người lao động chuyển đổi công việc; c) Khi người lao động làm mất, làm hỏng thẻ; d) Khi người lao động thay đổi bậc an toàn. 3. Sử dụng thẻ a) Thời hạn sử dụng: Từ khi được cấp cho đến khi thu hồi; b) Trong suốt quá trình làm việc, người lao động phải mang theo và xuất trình Thẻ an toàn điện theo yêu cầu của người cho phép, người sử dụng lao động và những người có thẩm quyền. 4. Thu hồi thẻ an toàn điện Người sử dụng lao động tiến hành thu hồi thẻ an toàn điện đã cấp cho người lao động trong các trường hợp sau đây: a) Khi người lao động chuyển làm công việc khác	**Điều 21. Thẻ an toàn điện** 1. Thẻ an toàn điện được cấp bằng thẻ giấy hoặc thẻ điện tử theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Người sử dụng lao động hoặc đơn vị tổ chức huấn luyện, sát hạch tiến hành cấp thẻ an toàn điện trong các trường hợp sau đây: a) Sau khi người lao động được huấn luyện lần đầu và sát hạch đạt yêu cầu; b) Khi người lao động chuyển đổi công việc; c) Khi người lao động làm mất, làm hỏng thẻ; d) Khi người lao động thay đổi bậc an toàn. 3. Sử dụng thẻ a) Thời hạn sử dụng: Từ khi được cấp cho đến khi thu hồi; b) Trong suốt quá trình làm việc, người lao động phải mang theo và xuất trình Thẻ an toàn điện theo yêu cầu của người cho phép, người sử dụng lao động và những người có thẩm quyền. 4. Thu hồi thẻ an toàn điện Người sử dụng lao động tiến hành thu hồi thẻ an toàn điện đã cấp cho người lao động trong các trường hợp sau đây: a) Khi người lao động chuyển làm công việc khác	

	hoặc không tiếp tục làm việc tại tổ chức, đơn vị cũ; b) Thẻ cũ, nát hoặc mờ ảnh hoặc các ký tự ghi trên thẻ; c) Vi phạm quy trình, quy định về an toàn điện; d) Khi được cấp thẻ mới. 5. Người sử dụng lao động, đơn vị huấn luyện có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ huấn luyện trong thời gian tối thiểu 02 năm và xuất trình khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu.	hoặc không tiếp tục làm việc tại tổ chức, đơn vị cũ; b) Thẻ cũ, nát hoặc mờ ảnh hoặc các ký tự ghi trên thẻ; c) Vi phạm quy trình, quy định về an toàn điện; d) Khi được cấp thẻ mới. 5. Người sử dụng lao động, đơn vị huấn luyện có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ hồ sơ huấn luyện trong thời gian tối thiểu 02 năm và xuất trình khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu.	